



USAID
TỪ NHÂN DÂN MỸ



VIWACON
Mạng lưới Bảo tồn Nguồn nước Việt Nam



BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

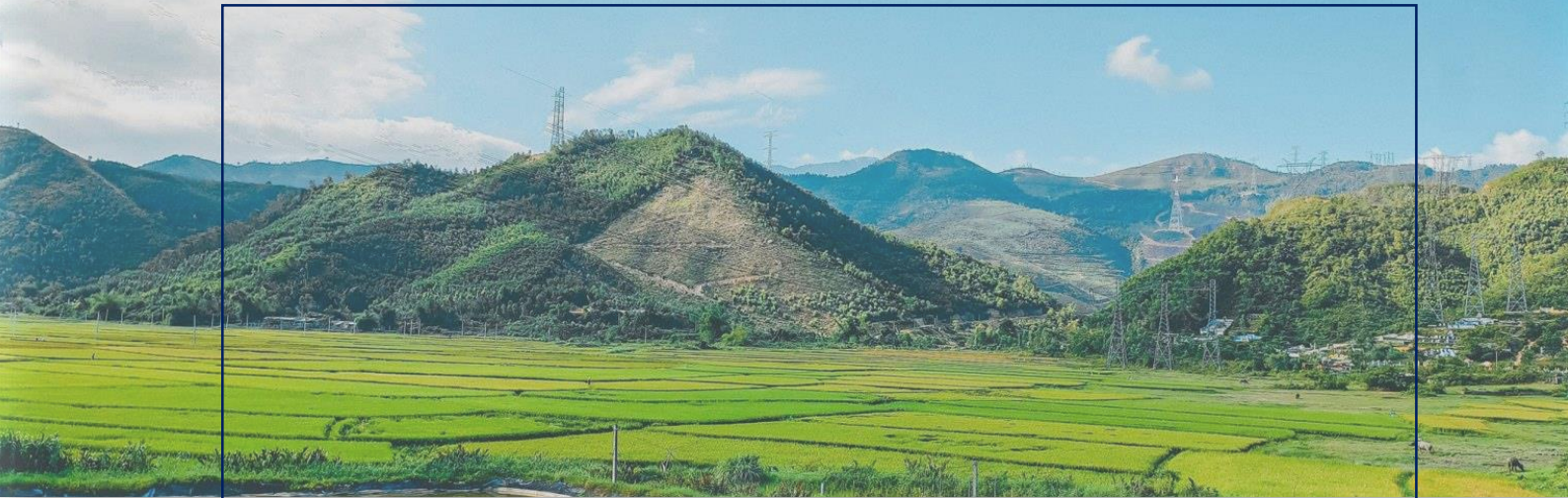
**“ĐÓNG GÓP XÂY DỰNG LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC SỬA ĐỔI
TỪ THỰC TIỄN THỰC THI LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC 2012
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG”**

ĐÀ NẴNG, THÁNG 3 NĂM 2023



USAID
TỪ NHÂN DÂN MỸ

Sản phẩm này được thực hiện với sự giúp đỡ của nhân dân Mỹ thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Nội dung của sản phẩm do Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng (CECR) chịu trách nhiệm và không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID hay Chính phủ Hoa Kỳ.



BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

“Đóng góp xây dựng Luật Tài nguyên nước sửa đổi từ thực tiễn thực thi Luật tài nguyên nước 2012 tại thành phố Đà Nẵng”

Nhóm nghiên cứu:

- *Trưởng nhóm:* ThS. Huỳnh Thị Liễu Hoa.

- *Các thành viên:*

TS. Lê Năng Định - Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng.

ThS. Đặng Nguyễn Thục Anh - Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng.

ThS. Võ Thị Hồng Thoa - Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng.

KS. Nguyễn Trọng Thanh - Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng.

Đà Nẵng, tháng 4/2023



BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

“Đóng góp xây dựng Luật tài nguyên nước sửa đổi từ thực tiễn thực thi Luật tài nguyên nước 2012 tại thành phố Đà Nẵng”

Nhóm chuyên gia thực hiện

- Trưởng nhóm: ThS. Huỳnh Thị Liễu Hoa

- Các thành viên:

TS. Lê Năng Định- Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng

ThS. Đặng Nguyễn Thực Anh - Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng.

ThS. Võ Thị Hồng Thoa - Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng.

KS. Nguyễn Trọng Thanh - Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng.

Đà Nẵng, tháng 3/2023

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC HÌNH	ii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	iii
LỜI MỞ ĐẦU	iv
PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. SỰ CẦN THIẾT CỦA NGHIÊN CỨU	1
II. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU	2
III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU.....	2
IV. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	3
V. NỘI DUNG BÁO CÁO	3
CHƯƠNG I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA CÁC NHÓM VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	4
I. CƠ SỞ LÝ LUẬN.....	4
II. MÔ HÌNH CỘNG ĐỒNG THAM GIA BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC VÀ TỔ CHỨC LƯU VỰC SÔNG VU GIA - THU BỒN (MÔ HÌNH THỬ NGHIỆM).....	19
CHƯƠNG II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	31
I. HIỆN TRẠNG THỰC THI LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC 2012 ĐỐI VỚI CÁC NHÓM CHÍNH SÁCH NGHIÊN CỨU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	31
II. CÁC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC THI CÁC NHÓM CHÍNH SÁCH NGHIÊN CỨU TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	61
CHƯƠNG III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	64
I. TRÁCH NHIỆM, VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TRONG BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC	64
II. MINH BẠCH, CÔNG KHAI THÔNG TIN BẢO ĐẢM QUYỀN VỀ TIẾP CẬN THÔNG TIN VÀ PHỤC VỤ MỤC TIÊU GIÁM SÁT CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG VIỆC BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC	65
III. TỔ CHỨC LƯU VỰC SÔNG VÀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP LƯU VỰC SÔNG ..	67
TÀI LIỆU THAM KHẢO	69
PHỤ LỤC KÈM THEO	71

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ lưu vực sông Cu Đê.....	20
Hình 2. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước mặt trên sông Cu Đê thuộc dự án Nhà máy nước Hòa Liên.....	21
Hình 3. Các bên liên quan.....	22
Hình 4. Các bên liên quan chính đến tài nguyên nước trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn.....	29
Hình 5. Vị trí đập đập tạm trên sông Quảng Huế.....	56
Hình 6. Lưu vực hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn.....	57
Hình 7. Tập huấn nâng cao năng lực về quản lý tài nguyên nước lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và khảo sát thực địa tại Nhà máy thủy điện Sông Bung 6, đập tạm Quảng Huế cho tổ công tác Ban điều phối và các bên liên quan	58

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BĐKH	: Biến đổi khí hậu
BĐP	: Ban điều phối
BTV	: Ban Thường vụ
BVMT	: Bảo vệ môi trường
KTXH	: Kinh tế - xã hội
LVS	: Lưu vực sông
NN&PTNT	: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
TN&MT	: Tài nguyên & Môi trường
TNN	: Tài nguyên nước
TP	: Thành phố
TW	: Trung ương
UBND	: Ủy ban nhân dân
VGTB	: Vụ Gia Thu Bồn
XD	: Xây dựng

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay, 95% lượng nước cấp cho Đà Nẵng được khai thác tại hạ lưu sông Vu Gia, làm cho việc phân bổ, khai thác, sử dụng nước bị mất cân đối giữa các lưu vực sông và phụ thuộc hoàn toàn vào lượng nước đến từ thượng nguồn sông Vu Gia. Ngoài ra, việc khai thác, sử dụng nước ở thượng nguồn lưu vực sông Vu Gia, xâm nhập mặn vùng cửa sông, chưa có giải pháp ứng phó ô nhiễm nguồn nước trên lưu vực cũng ảnh hưởng lớn đến khả năng khai thác, cấp nước cho thành phố Đà Nẵng, gây nên tình trạng cạn kiệt nguồn nước vào mùa khô. Mặt khác, nguồn nước dự phòng của thành phố Đà Nẵng chưa được xác định rõ, do đó, khi xuất hiện hình thái thời tiết cực đoan hoặc khi có sự cố ô nhiễm nguồn nước thì nguồn nước cấp của thành phố sẽ bị mất an ninh, an toàn, gây gián đoạn hoạt động cấp nước trên diện rộng. Vì vậy, để đảm bảo an ninh nguồn nước, Đà Nẵng đã nghiên cứu, ban hành nhiều chương trình, giải pháp lớn để phát triển và bảo vệ các nguồn nước, đặc biệt là các nguồn nước có chức năng cấp nước sinh hoạt. Gần đây nhất, UBND thành phố Đà Nẵng cũng đã ban hành Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2023 thực hiện Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 07/11/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy triển khai thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Trong chiến lược đảm bảo an ninh nguồn nước cho thành phố Đà Nẵng, việc tăng cường hợp tác với tỉnh Quảng Nam trong việc quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và bảo vệ nghiêm ngặt các sông, suối là nguồn cấp nước sinh hoạt (kể các nguồn nước liên tỉnh và nội tỉnh) được đặc biệt chú trọng.

Thực tiễn đã chứng minh, từ bao đời nay, sức mạnh của lòng dân là nguồn sức mạnh vô biên. Chính vì vậy, trong việc bảo vệ tài nguyên nước, việc huy động sự tham gia của “cộng đồng dân cư” là điều kiện tiên quyết. Trong bối cảnh Đà Nẵng nói riêng và các địa phương nói chung đang còn hạn chế về nhân

lực, nguồn lực để đầu tư các hệ thống quan trắc, cảnh báo tự động, liên tục về tài nguyên nước (chất lượng nước, lưu lượng xả duy trì dòng chảy tối thiểu, lưu lượng trên sông, xâm nhập mặn...), thì việc hình thành mô hình cộng đồng dân cư tham gia bảo vệ tài nguyên nước là hướng đi cần thiết và phù hợp, hiệu quả nhất.

Trong việc lựa chọn vấn đề nghiên cứu để đóng góp xây dựng Luật Tài nguyên nước sửa đổi, chúng tôi quan tâm đến trách nhiệm, vai trò của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ tài nguyên nước và tổ chức lưu vực sông, trong mối tương quan với vấn đề minh bạch, công khai thông tin bảo đảm quyền về tiếp cận thông tin và phục vụ mục tiêu giám sát của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên nước. Bởi lẽ, trong câu chuyện bảo vệ tài nguyên nước cho thành phố Đà Nẵng không thể tách rời địa giới hành chính, vì vai trò của nguồn nước lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn (sông liên tỉnh) và các sông, suối nội tỉnh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng chiếm tỷ lệ gần bằng nhau (60%-40%) theo chiến lược đảm bảo an ninh nguồn nước quy hoạch đến năm 2050. Đồng thời, cộng đồng dân cư và tổ chức lưu vực sông, là các tổ chức bảo vệ tài nguyên nước, gắn với lưu vực sông nội tỉnh và liên tỉnh, có vai trò hỗ trợ và bổ sung cho nhau, tạo thành các tấm phen vững chắc, đan xen, hỗ trợ nhau giữa kinh nghiệm và quy định, giữa lý luận và thực tiễn để đảm bảo tài nguyên nước được bảo vệ tốt nhất, theo hướng tiếp cận từ đầu nguồn xuống biển, vừa theo địa giới hành chính, vừa theo lưu vực sông. Trong đó, việc thúc đẩy công khai minh bạch thông tin tài nguyên nước một cách rộng rãi, sâu rộng đến cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân có liên quan sẽ thu hút sự quan tâm, phản biện, chung tay bảo vệ tài nguyên nước của toàn xã hội và thúc đẩy sự tiến bộ của các cơ quan nhà nước trong công tác quản lý tài nguyên nước.

PHẦN MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA NGHIÊN CỨU

Báo cáo Đóng góp xây dựng Luật Tài nguyên nước sửa đổi từ thực tiễn thực thi Luật Tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Báo cáo) được xây dựng nhằm mục tiêu phân tích, đánh giá, tổng kết kinh nghiệm địa phương sau hơn 10 năm thực hiện Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Trên cơ sở đó, Báo cáo sẽ đề xuất, kiến nghị một số nội dung mới hoặc có nhiều vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện Luật Tài nguyên nước 2012, nhằm mục tiêu đóng góp tích cực và hiệu quả vào quá trình xây dựng, hoàn thiện Luật Tài nguyên nước sửa đổi, khắc phục những tồn tại, bất cập trong thời gian qua.

Trong phạm vi nghiên cứu của Đề tài, nội dung Báo cáo sẽ tập trung vào 03 nhóm chính sách bao gồm:

- Trách nhiệm, vai trò của cộng đồng dân cư trong việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước;
- Minh bạch, công khai thông tin bảo đảm quyền về tiếp cận thông tin và phục vụ mục tiêu giám sát của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên nước;
- Tổ chức lưu vực sông và quản lý tổng hợp lưu vực sông trong dự thảo Luật Tài nguyên nước sửa đổi để phù hợp với định hướng phát triển và điều kiện của Việt Nam cũng như trong triển khai thực thi Luật này.

Bố cục của Báo cáo được xây dựng gồm 2 phần chính:

Phần 1. Phân tích, đánh giá các chính sách đang có hiệu lực, có so sánh với nhóm chính sách trong dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) về:

- Trách nhiệm, vai trò của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ tài nguyên nước;
- Minh bạch, công khai thông tin bảo đảm quyền về tiếp cận thông tin và phục vụ mục tiêu giám sát của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên nước;
- Tổ chức lưu vực sông và quản lý tổng hợp lưu vực sông.

Phần 2. Kiến nghị, đề xuất nội dung các điều, khoản quy định trong dự thảo luật Tài nguyên nước sửa đổi và các văn bản dưới Luật (nếu cần thiết) đối với các nhóm chính sách nghiên cứu.

Báo cáo được thực hiện với sự hỗ trợ của Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng trong khuôn khổ Dự án “Chung tay hành động bảo vệ nguồn nước”. Thời gian thực hiện từ tháng 12/2022-03/2023.

II. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

1. Mục tiêu

Góp phần hoàn thiện dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi), tạo hành lang pháp lý để tổ chức lưu vực sông hoạt động hiệu quả, tăng cường minh bạch thông tin, đề cao vai trò, trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước.

2. Các mục tiêu cụ thể

- Đánh giá khái quát tình hình triển khai thực hiện Luật Tài nguyên nước 2012, xác định những hạn chế, bất cập còn tồn tại cần được khắc phục;
- Nghiên cứu, tham vấn, tổng hợp và đưa ra các khuyến nghị sửa đổi 03 nhóm chính sách bao gồm:
 - + Trách nhiệm, vai trò của cộng đồng dân cư trong việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước;
 - + Minh bạch, công khai thông tin bảo đảm quyền về tiếp cận thông tin và phục vụ mục tiêu giám sát của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên nước;
 - + Tổ chức lưu vực sông và quản lý tổng hợp lưu vực sông trong dự thảo Luật Tài nguyên nước sửa đổi để phù hợp với định hướng phát triển và điều kiện của Việt Nam cũng như trong triển khai thực thi Luật này.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng

Đề tài tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật về trách nhiệm, vai trò của cộng đồng dân cư, minh bạch thông tin trong việc bảo vệ tài nguyên nước; Tổ chức lưu vực sông và quản lý tổng hợp lưu vực sông; thực tiễn thực hành pháp luật tại địa phương.

2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về không gian:* Những quy định của pháp luật hiện hành và dự thảo Luật sửa đổi về 03 nhóm vấn đề: trách nhiệm, vai trò của cộng đồng dân cư, minh bạch thông tin trong việc bảo vệ tài nguyên nước; Tổ chức lưu vực sông và quản lý tổng hợp lưu vực sông.

- *Về thời gian:*

+ Các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước còn hiệu lực áp dụng.

+ Số liệu về 03 nhóm vấn đề nghiên cứu trong 05 năm gần đây.

- *Về địa bàn:* Tập trung chủ yếu tại thành phố Đà Nẵng và lưu vực sông tỉnh Quảng Nam.

IV. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đề tài được nghiên cứu xây dựng trên cơ sở áp dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu sau đây:

- Phương pháp kế thừa;
- Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa;
- Phương pháp xử lý thông kê, phân tích, đánh giá, tổng hợp thông tin, dữ liệu;
- Phương pháp phân tích;
- Phương pháp đánh giá;
- Phương pháp chuyên gia;
- Phương pháp tổng hợp.

V. NỘI DUNG BÁO CÁO

- Lời mở đầu
- Mở đầu
- Chương 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của các nhóm vấn đề nghiên cứu
- Chương 2. Kết quả nghiên cứu
- Chương 3. Kiến nghị và đề xuất
- Kết quả nghiên cứu có thể cung cấp cho các nhà làm chính sách, quản lý và các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp... các thông tin và giải pháp để quản lý và sử dụng nguồn nước một cách bền vững hơn, đặc biệt việc huy động cộng đồng dân cư trong vấn đề bảo vệ tài nguyên nước.

CHƯƠNG I

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA CÁC NHÓM

VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN

1. Trách nhiệm, vai trò của cộng đồng dân cư trong bảo vệ tài nguyên nước

1.1. Khái niệm “cộng đồng dân cư”, “bảo vệ tài nguyên nước”

Theo Từ điển tiếng Việt, “**bảo vệ**” là động từ có ý nghĩa “chống lại mọi sự huỷ hoại, xâm phạm để giữ cho luôn luôn được nguyên vẹn”. Đồng thời, theo Khoản 1 Điều 2 Luật Tài nguyên nước có giải thích cụm từ “**tài nguyên nước**” như sau: “Tài nguyên nước bao gồm nguồn nước mặt, nước dưới đất, nước mưa và nước biển thuộc lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Như vậy, “**bảo vệ tài nguyên nước**” là các hoạt động nhằm chống lại mọi sự huỷ hoại, xâm phạm để giữ cho các nguồn nước mặt, nước dưới đất, nước mưa và nước biển thuộc lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam luôn luôn được nguyên vẹn.

Về khái niệm “**Cộng đồng dân cư**”, tại Khoản 24 Điều 2 Luật Lâm nghiệp 2017 (có hiệu lực từ 01/01/2019) có nêu “**Cộng đồng dân cư**” bao gồm cộng đồng người Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, điểm dân cư tương tự và có cùng phong tục, tập quán. Để khẳng định vị trí, vai trò của cộng đồng dân cư trong công tác bảo vệ môi trường cũng như thực hiện một trong những mục tiêu xuyên suốt là bảo vệ sức khỏe người dân, bảo đảm người dân được sống trong môi trường trong lành, tăng cường công khai thông tin, tham vấn, phát huy vai trò giám sát, phản biện, đồng thời bảo đảm quyền và lợi ích của cộng đồng dân cư khi tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, lần đầu tiên, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã bổ sung cộng đồng dân cư vào phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Luật này. Tại Khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có nêu khái niệm “**Cộng đồng dân cư**” là cộng đồng người sinh sống trên cùng địa bàn thôn,

ấp, bản, làng, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố hoặc điểm dân cư tương tự trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Gần đây nhất, tại Điều 2 Nghị định số 02/2023//NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định “**Đại diện cộng đồng dân cư** và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại Điều 6 của Luật Tài nguyên nước, bao gồm: đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đại diện đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước chịu ảnh hưởng của việc khai thác, sử dụng nước của dự án và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.”

Do Luật Tài nguyên nước năm 2012 không giải thích từ ngữ đối với khái niệm “**Cộng đồng dân cư**”, nên tại Báo cáo này, “**Cộng đồng dân cư**” được hiểu như cách giải thích từ ngữ nêu tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.2. Trách nhiệm, vai trò của cộng đồng dân cư trong bảo vệ tài nguyên nước theo Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quy định hiện hành có liên quan

Vai trò, trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ tài nguyên nước được đề cập tại Chương III Luật Tài nguyên nước năm 2012. Theo đó, cộng đồng dân cư có vai trò, trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước đối với các nội dung chính sau đây:

+ Thường xuyên bảo vệ nguồn nước do mình khai thác, sử dụng, đồng thời có quyền giám sát những hành vi, hiện tượng gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước của tổ chức, cá nhân khác.

+ Phát hiện hành vi, hiện tượng gây tổn hại hoặc đe dọa đến an toàn nguồn nước có trách nhiệm ngăn chặn và báo ngay cho chính quyền địa phương nơi gần nhất để kịp thời xử lý.

+ Bảo vệ nguồn nước sinh hoạt thông qua việc không được xả nước thải, đưa các chất thải vào vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt. Đồng thời, khi phát hiện hành vi gây hủy hoại, ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt có trách nhiệm ngăn chặn và kịp thời báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

- Trên cơ sở quy định của Luật Tài nguyên nước 2012, các văn bản hướng dẫn dưới Luật về công tác bảo vệ tài nguyên nước tập trung vào các nội dung chính:

+ Cụ thể hoá quy định về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước tại Điều 31 của Luật Tài nguyên nước 2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước. Theo Điều 6 của Nghị định này, cộng đồng dân cư có trách nhiệm ngăn chặn: các hành vi gây đe dọa, làm suy giảm chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước; gây sạt, lở bờ sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông, suối, kênh rạch, hồ chứa; Lấn chiếm, sử dụng trái phép đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước; sử dụng đất không đúng mục đích đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Để bảo vệ nước dưới đất, theo quy định tại Nghị định số 167/2018/NĐ-CP, các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất có trách nhiệm thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Để bảo đảm sự lưu thông dòng chảy, trên cơ sở quy định của các Điều 30 và Điều 63 của Luật Tài nguyên nước, việc bảo đảm lưu thông dòng chảy, bảo vệ lòng, bờ, bãi sông đã được cụ thể hoá tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/02/2020 quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông, bảo vệ lòng, bờ, bãi sông. Theo đó, các tổ chức, cá nhân không khai thác, tập kết, kinh doanh, vận chuyển cát, sỏi trái phép. Đồng thời, có trách nhiệm tố giác tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác cát, sỏi trái phép nếu phát hiện.

+ Về bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo quy định tại các Điều 3, 32, 71 của Luật Tài nguyên nước 2012 và Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt phải tuân thủ các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước, bảo vệ nguồn nước dưới đất và tuân thủ

các yêu cầu khác về bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

- Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, việc bảo vệ môi trường nước được áp dụng với 3 loại: loại nước mặt, loại nước biển và loại nước đất. Trong đó, cũng đã đề cập đến việc huy động sự tham gia của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên nước. Theo đó, cộng đồng có vai trò, trách nhiệm trong việc thực hiện các biện pháp, giải pháp bảo vệ các vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, hành lang bảo vệ nguồn nước mặt, nguồn sinh thủy theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. Đối với bảo vệ nước dưới đất và nước biển, chưa đề cập rõ nét đến các nội dung huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư.

2. Minh bạch, công khai thông tin bảo đảm quyền về tiếp cận thông tin và phục vụ mục tiêu giám sát của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên nước

2.1. Minh bạch, công khai thông tin theo Luật Tài nguyên nước 2012 và các quy định hiện hành có liên quan

2.1.1. Khái niệm “thông tin”, “tiếp cận thông tin”

Thông tin là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra¹. Trong đó, thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra là tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản².

Tiếp cận thông tin là việc đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp thông tin. Cung cấp thông tin bao gồm việc cơ quan nhà nước công khai thông tin và

¹ Khoản 1 Điều 2 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016

² Khoản 2 Điều 2 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016

cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân³. Tiếp cận thông tin là quyền của công dân được hiến định tại Hiến pháp năm 2013⁴.

Do đó, để bảo vệ, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, thông tin cần phải được công khai càng sớm, càng tốt dưới hình thức thích hợp về ngôn ngữ, hình ảnh, tư liệu, phù hợp với quy định của pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu tiếp nhận, khai thác và sử dụng của tổ chức, công dân. Công khai là một khái niệm có tính lịch sử mà sự ra đời, phát triển của nó là tiền đề, là điều kiện tiên quyết của sự dân chủ trong các hoạt động của xã hội loài người. Theo Đại từ điển Tiếng Việt, công khai là "không giấu diếm, bí mật mà cho mọi người cùng biết"⁵. Với ý nghĩa và bản chất như vậy nên “công khai thông tin” luôn được sử dụng như một biện pháp hữu hiệu để phòng, chống các hành vi tiêu cực trong hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên nước.

Mục đích công khai thông tin là đảm bảo quyền được thông tin về môi trường, tài nguyên nước của người dân. Đây là cơ sở để cộng đồng dân cư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như thực hiện các quyền tham vấn, giám sát, khiếu nại, tố cáo liên quan đến môi trường nước, tài nguyên nước. Việc công khai, minh bạch đầy đủ các thông tin sẽ giúp cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, đồng thời chú trọng đổi mới hình thức thực hiện theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình địa phương. Ngoài ra, công khai thông tin môi trường nước, tài nguyên nước sẽ giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như tổ chức, cá nhân liên quan nhận được những báo cáo chính thức về thông tin môi trường nước thuộc đối tượng quản lý hoặc đối tượng có ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng, qua đó đảm bảo hiệu quả công tác bảo vệ môi trường nước cũng như bảo vệ quyền lợi của cộng đồng dân cư.

2.1.2. Quy định hiện hành về minh bạch, công khai thông tin trong bảo vệ tài nguyên nước

a) Quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành

³ Khoản 3, 4 Điều 2 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016

⁴ Điều 25 Hiến pháp năm 2013

⁵ Nguyễn Như Ý (chủ biên), Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, năm 2007, tr. 346.

Điều b khoản 1 Điều 6 Luật Tài nguyên nước năm 2012 quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đầu tư dự án trong đó có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước hoặc có hoạt động xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến *sản xuất, đời sống của nhân dân* trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành hoạt động *công khai thông tin về những nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước của dự án và những ảnh hưởng có thể gây ra trước khi triển khai thực hiện.*

Về nội dung thông tin và hình thức công khai được quy định cụ thể tại Điều 3 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP. Theo đó:

Về nội dung thông tin công khai: việc công khai thông tin được thực hiện như sau:

Một, chủ dự án (Công trình hồ, đập có tổng dung tích từ 500 triệu m³ trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 10m³/giây trở lên; Công trình chuyển nước giữa các nguồn nước; Công trình hồ, đập làm gián đoạn dòng chảy tự nhiên của sông, suối trên một đoạn có chiều dài từ một (01) km trở lên) phải thực hiện công bố thông tin sau: (i) Mục đích khai thác, sử dụng nước; (ii) Nguồn nước khai thác, sử dụng; (iii) Vị trí công trình khai thác, sử dụng nước; (iv) Phương thức khai thác, sử dụng nước; (v) Lượng nước khai thác, sử dụng; (vi) Thời gian khai thác, sử dụng; (vii) Các đặc tính cơ bản của hồ, đập trong trường hợp xây dựng hồ, đập.

Hai, chủ dự án công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng từ 12.000 m³/ngày đêm trở lên phải thực hiện công bố thông tin sau: (i) Mục đích khai thác, sử dụng nước; (ii) Vị trí công trình khai thác nước; (iii) Tầng chứa nước khai thác, độ sâu khai thác; (iv) Tổng số giếng khai thác; (v) Tổng lượng nước khai thác, sử dụng; (vi) Chế độ khai thác; (vii) Thời gian khai thác, sử dụng.

Hình thức công khai thông tin: Việc công khai thông tin về những nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước và những ảnh hưởng có thể gây ra trước khi triển khai thực hiện dự án theo các hình thức sau:

- Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng của UBND các huyện và trang thông tin điện tử của UBND các tỉnh.

- 30 ngày làm việc trước khi khởi công và trong suốt quá trình xây dựng công trình, chủ dự án phải niêm yết công khai thông tin tại UBND huyện, UBND xã và tại địa điểm nơi xây dựng công trình.

Nội dung quy định tại Điều 3 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP được thay thế tại Điều 3 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước (*có hiệu lực ngày 20/3/2023*) (bãi bỏ các nội dung liên quan đến công trình xả nước thải vào nguồn nước, thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).

Ngoài ra, tại điểm b khoản 4 Điều 32 về bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc *“tổ chức công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước trên địa bàn”*

b) Quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành

Công khai, minh bạch là một trong những nguyên tắc bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Theo đó, tại khoản 4 Điều 4 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: *“Hoạt động bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên, công khai, minh bạch; ưu tiên dự báo, phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường, quản lý rủi ro về môi trường, giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải”*.

Nguyên tắc này cũng được cụ thể qua các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường nước. Cụ thể:

Điểm b khoản 3 Điều 8 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc *“Công khai thông tin các nguồn thải vào môi trường nước mặt trên địa bàn; thu thập thông tin, dữ liệu về hiện trạng môi trường nước mặt, nguồn thải và tổng lượng thải vào môi trường nước mặt thuộc*

sông, hồ liên tỉnh trên địa bàn quản lý theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường...”

Điều d khoản 3 Điều 8 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc *“công bố thông tin về môi trường nước mặt trên địa bàn không còn khả năng chịu tải”*

2.1.3. Minh bạch, công khai thông tin bảo vệ tài nguyên nước theo dự thảo Luật Tài nguyên nước sửa đổi

Điều b khoản 1 Điều 8 dự thảo Luật Tài nguyên nước sửa đổi quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đầu tư dự án trong đó có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước có ảnh hưởng lớn đến *hoạt động phát triển kinh tế - xã hội*, đời sống của nhân dân trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành hoạt động *công khai thông tin về những nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước của dự án và những ảnh hưởng có thể gây ra trước khi triển khai thực hiện.*

Khoản 4 Điều 8 dự thảo Luật giao Chính phủ quy định cụ thể việc lấy ý kiến và việc công khai thông tin quy định tại Điều này.

Điều 31 về bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt và điểm d khoản 1 Điều 80 quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc *“tổ chức công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước trên địa bàn”*.

Khoản 1 Điều 2 về công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh quy định *“Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố quy hoạch, đăng tải thường xuyên, liên tục quy hoạch trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời thông báo đến Bộ, ngành, địa phương liên quan. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lưu vực sông lập quy hoạch đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của địa phương. Các hoạt động công bố thông tin phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước”*.

Như vậy, có thể thấy dự thảo luật sửa đổi mở rộng phạm vi công khai thông tin, theo đó, tại Luật TNN hiện hành quy định trách nhiệm của tổ chức, cá

nhân đầu tư dự án trong đó có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân thì có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành hoạt động công khai thông tin. Trong khi đó, phạm vi tác động tại dự thảo Luật TNN sửa đổi đã mở rộng hơn, nếu có sự tác động, ảnh hưởng lớn đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội thì thuộc trường hợp công khai thông tin.

Hoạt động phát triển kinh tế - xã hội được hiểu là cách thức hoạt động kinh tế ảnh hưởng và được định hình qua quá trình phát triển của xã hội. Kinh tế - xã hội đôi khi được sử dụng như một thuật ngữ bao hàm các lĩnh vực khác nhau. Thuật ngữ kinh tế - xã hội có thể hiểu là “Sử dụng kinh tế học trong nghiên cứu xã hội”. Như vậy, có thể thấy hoạt động phát triển kinh tế - xã hội bao hàm cả hoạt động sản xuất và phạm vi mở rộng hơn so với hoạt động sản xuất.

Theo quan điểm của nhóm tác giả, việc mở rộng phạm vi tác động, ảnh hưởng đến bảo vệ tài nguyên nước bắt buộc phải công khai thông tin là phù hợp với thực tiễn hiện nay, bởi nhiều trường hợp không chỉ ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, việc triển khai các dự án có xây dựng công trình khai thác sử dụng tài nguyên nước có ảnh hưởng đến các hoạt động phát triển kinh tế xã hội khác (như kinh doanh, mua bán, trao đổi hàng hoá...) cũng cần phải có sự đánh giá tác động và công khai thông tin để các đối tượng có liên quan nắm bắt và đảm bảo quyền lợi của mình.

Tương tự như tại Luật năm 2012, dự thảo Luật lần này không có điều khoản quy định cụ thể các nội dung thông tin, hình thức công khai thông tin. Việc quy định cụ thể về nội dung, hình thức giao Chính phủ quy định. Tuy nhiên, tiếp cận thông tin là quyền của công dân, được pháp luật quy định và đảm bảo thực hiện bằng Luật Tiếp cận thông tin. Tại Điều 5 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định “Công dân được tiếp cận thông tin của cơ quan nhà nước, trừ thông tin không được tiếp cận quy định tại Điều 6 của Luật này; được tiếp cận có điều kiện đối với thông tin quy định tại Điều 7 của Luật này”. Do vậy, trách nhiệm của cơ quan nhà nước là chủ động công khai thông tin tiếp cận được, tạo điều kiện cho công dân thực thi quyền của mình. Ngoài ra, tại khoản 4

Điều 5 dự thảo Luật về nguyên tắc quản lý, bảo vệ, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra quy định “Bảo vệ tài nguyên nước là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân...”. Vì vậy, để công dân kịp thời cập nhật, nắm bắt thông tin về môi trường nước và tài nguyên nước, thực hiện trách nhiệm bảo vệ tài nguyên, môi trường nước của mình, đồng thời để đảm bảo quyền được tiếp nhận đầy đủ, kịp thời chính xác thông tin, cần thiết phải luật hoá những thông tin cần công khai, chủ thể công khai, hình thức công khai, thời gian công khai. Còn chi tiết hơn sẽ quy định trong Nghị định, Thông tư. Mặc dù hiện nay Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2017/NĐ-CP, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT quy định về thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, song việc triển khai thực hiện trong thực tế còn nhiều bất cập.

Luật Bảo vệ môi trường hiện hành quy định thông tin môi trường nước phải công khai còn hạn chế chưa đảm bảo đầy đủ thông tin cho hoạt động kiểm soát ô nhiễm nước. Theo đó, chỉ quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc thu thập thông tin, dữ liệu về hiện trạng môi trường nước mặt, nguồn thải và tổng lượng thải vào môi trường nước mặt thuộc sông, hồ liên tỉnh trên địa bàn quản lý theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; không quy định trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong công khai thông tin thuộc thẩm quyền của Bộ, ví dụ như công khai chất lượng môi trường nước mặt đối với sông hồ liên tỉnh...

3. Tổ chức lưu vực sông

3.1. Khái niệm lưu vực sông và tổ chức lưu vực sông

- ***Về lưu vực sông:*** Tại các Khoản 8,9,10 Điều 3 dự thảo Luật Tài nguyên sửa đổi (Dự thảo lần 5) về giải thích từ ngữ có giải thích “8. Lưu vực sông là vùng đất mà trong phạm vi đó nước mặt, nước dưới đất chảy tự nhiên vào sông và thoát ra một cửa chung hoặc thoát ra biển. 9. Lưu vực sông liên tỉnh là lưu vực sông nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên. 10. Lưu vực sông nội tỉnh là lưu vực sông nằm trên địa bàn một tỉnh, thành phố

trực thuộc trung ương”. Các nội dung này cũng đã được đề cập tại Điều 2 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- *Về tổ chức lưu vực sông*: Giống Luật Tài nguyên nước năm 2012, tại Dự thảo Luật Tài nguyên nước lần 5 cũng chưa có phần giải thích từ ngữ đối với cụm từ “tổ chức lưu vực sông”.

Tại Điểm a và c Khoản 2 và Khoản 3 Điều 81 Dự thảo lần 5 có quy định về trách nhiệm điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông như sau:

“a) Tổ chức lưu vực sông kiến nghị việc điều hòa, phân phối nguồn nước, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; việc phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên một hoặc một số lưu vực sông liên tỉnh;

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất chỉ đạo việc phối hợp hoạt động của tổ chức lưu vực sông, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước; giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên các lưu vực sông.

3. Chính phủ quy định cụ thể việc điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; quy định tổ chức và hoạt động của tổ chức lưu vực sông.”

Tại Điều 5 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP quy định các nội dung liên quan đến tổ chức lưu vực sông: “1. Tổ chức lưu vực sông được tổ chức và hoạt động theo quy định của tổ chức phối hợp liên ngành. Tổ chức lưu vực sông có trách nhiệm đề xuất, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền việc điều hòa, phân phối nguồn nước, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, việc phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên một hoặc một số lưu vực sông liên tỉnh; 2. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập các tổ chức lưu vực sông Hồng - Thái Bình, sông Cửu Long (Mê Công), theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; 3. Bộ trưởng

Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập các tổ chức lưu vực sông đối với các lưu vực sông liên tỉnh khác với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về tài nguyên nước.”.

Để tổ chức lưu vực sông phát huy hiệu quả trong quá trình hoạt động, thiết nghĩ cần làm rõ tổ chức và hoạt động của “tổ chức lưu vực sông” để tránh sự chồng chéo trong quản lý, đảm bảo thống nhất giữa quản lý môi trường lưu vực sông với quản lý tài nguyên nước (gồm số lượng và chất lượng) trên cùng lưu vực sông. Trong đó, tổ chức lưu vực sông phải thể hiện được chức năng giám sát, điều phối hoạt động của các Bộ, ngành, địa phương liên quan trong việc thực hiện quy hoạch lưu vực sông; đề xuất ban hành các chính sách, kiến nghị các giải pháp về bảo vệ môi trường nước, khai thác, sử dụng và phát triển tài nguyên nước, phòng, chống và giảm thiểu tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông; đặc biệt là có cơ chế thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng dân cư, các đối tượng khai thác, sử dụng nước trên lưu vực tham gia vào quá trình khai thác, bảo vệ các lưu vực sông.

3.2. Các tổ chức lưu vực sông trên thế giới

Hiện nay, trên thế giới đã có hàng trăm các tổ chức lưu vực sông được thành lập để quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông. Các mô hình quản lý lưu vực sông ở các nước tuy có khác nhau về hình thức và tên gọi nhưng đều được xây dựng trên cơ sở bảo đảm vai trò của các địa phương trong lưu vực sông với sự trợ giúp cần thiết của Chính phủ trung ương trong việc giải quyết lợi ích và chia sẻ trách nhiệm có liên quan đến tài nguyên nước giữa thượng lưu và hạ lưu, giữa các tổ chức, cá nhân trong lưu vực sông, ví dụ:

****. Trung Quốc***

Trung Quốc đã thành lập 7 Ủy ban tài nguyên nước cho từng lưu vực sông lớn và các lưu vực nhỏ lân cận (sông Dương Tử, sông Hoàng Hà...). Các Ủy ban này đều thuộc Bộ Tài nguyên nước, được tổ chức với bộ máy hoàn chỉnh như một bộ, nhưng nằm tại các lưu vực sông khác nhau và hoạt động tương đối

độc lập. Ví dụ: Ủy ban tài nguyên nước sông Hoàng Hà có 29.000 người, Ủy ban tài nguyên nước sông Trường Giang có 20.000 người

Các Ủy ban tài nguyên nước được giao chức năng quản lý toàn diện nguồn nước lưu vực sông, nghĩa là quản lý nhà nước về tài nguyên nước và quản lý phát triển bao gồm qui hoạch, thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý vận hành các công trình thủy lợi, thủy điện (riêng nhà máy thủy điện xây dựng xong thì bàn giao cho ngành năng lượng quản lý). Các hoạt động ở địa phương, vận động cộng đồng tham gia quản lý nước cơ sở thì giao cho tổ chức Cộng tác vì Nước (nửa chính phủ nửa phi chính phủ) thực hiện.

**. Cộng hòa Pháp*

Với mục tiêu ban khởi điểm là chống lại ô nhiễm tài nguyên nước, Luật nước năm 1964 của Pháp đã quy định về chế độ phân bổ tài nguyên nước được xem là bước đầu tiên hướng tới quản lý nước tổng hợp ở Pháp. Lần đầu tiên, luật không quy định quản lý cho từng mục đích sử dụng tài nguyên nước cụ thể, độc lập với các mục đích khác mà đưa ra một công cụ pháp lý cho các cộng đồng địa phương (xã, nhóm xã, tỉnh và vùng) để quản lý nước như một nguồn tài nguyên. Do đó, chuyển từ tầm nhìn theo ngành về các vấn đề riêng lẻ sang quản lý tổng thể tài nguyên nước. Lần đầu tiên, việc sử dụng được xem xét một cách tổng thể và cần được điều hòa và phân bổ trong khuôn khổ của các đơn vị địa lý tự nhiên theo lưu vực sông thay vì đơn vị hành chính: “các lưu vực chính”, chẳng hạn như lưu vực Rhône–Địa Trung Hải–Corsican tương ứng với lưu vực sông Rhône và các dòng suối ven biển Địa Trung Hải. Luật này đã tạo ra một cấp quản lý riêng biệt so với cấp quản lý về hành chính trước đây, gọi là “lưu vực chính”. Do đó, một số cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm bảo vệ và quản lý tài nguyên lưu vực đã được thành lập: UBLVS, được coi là một hội đồng quản lý nước ở cấp “lưu vực chính”, và cơ quan quản lý nước, một cơ cấu hành chính chịu trách nhiệm thực hiện chính sách được xác định bởi UBLVS thông qua một hệ thống hỗ trợ tài chính và thuế. UBLVS bao gồm khoảng một trăm người là đại diện của cộng đồng địa phương, Nhà nước và các bên liên quan, có nhiều trách nhiệm khác nhau như biểu quyết các mức thuế được áp dụng đối với việc

sử dụng nước và các khoản trợ cấp dành cho cộng đồng địa phương, các công ty khai thác nước cho công nghiệp và các cơ quan nhà nước liên quan đến quản lý nước (khoan, giảm ô nhiễm và thoát nước).

Luật nước 1964 là một bước cải tiến mang lại nhiều lợi ích như cải thiện chất lượng nước và tạo ra nền tảng pháp lý giúp quản lý nguồn tài nguyên tốt hơn trong giai đoạn khoảng 30 năm (1970–1990). Tuy nhiên, các nhu cầu và vấn đề khác đã xuất hiện, vì vậy cần phải có các biện pháp pháp lý khác cải tiến hơn. Kể từ những năm 1960, Pháp đã chứng kiến sự xuất hiện của những nhu cầu mới về khai thác, sử dụng nước: dòng sông không còn đơn thuần là nơi thu gom và vận chuyển nước và hàng hóa mà nó còn là môi trường sống, phương tiện cho mục đích giải trí (Sormail, 1991). Hành lang sông mang lại nhiều giá trị về cảnh quan góp phần cải thiện điều kiện sống. Người Pháp ngày càng quan tâm đến môi trường. Hơn nữa, sau cuộc khủng hoảng dầu mỏ đầu tiên vào năm 1973, Pháp đã trải qua một cuộc khủng hoảng về tinh thần và nhận thức rằng một xã hội hiện đại, ngay cả khi có kỹ thuật tiên tiến, cũng không thể giải quyết tất cả các vấn đề về quản lý nước. Các nhà quản lý nhận ra giới hạn của chính sách phát triển, tác động của công trình đối với môi trường tự nhiên và dẫn đến chuỗi các tác động đến các mục đích khai thác sử dụng khác. Các nhà quản lý lưu ý rằng bất kỳ hệ sinh thái tự nhiên nhất định nào cũng chỉ có thể chấp nhận một mức độ sử dụng nhất định. Vượt quá giới hạn đó như việc sử dụng nước quá mức dẫn đến thiệt hại cho hệ sinh thái, làm cạn kiệt nguồn nước dẫn đến tình trạng không đủ nước để cung cấp cho các mục đích khai thác, sử dụng. Trong suốt những năm 1970, các hệ sinh thái tự nhiên đã bị thiệt hại nghiêm trọng (đôi khi liên quan đến chất lượng nước, đôi khi do sự gia tăng tiêu thụ nước gây thiệt hại cho hệ sinh thái, và thường là do sự gián đoạn của hệ sinh thái tự nhiên). Các chính sách quản lý tài nguyên nước mặc dù đã tập trung vào quản lý sông ngòi nhưng các nhà quản lý nhận thức rõ vấn đề quan trọng của việc quản lý các lưu vực liên quan đến vùng bờ, hồ chứa hoặc nước ngầm cũng cần được xem xét một cách cẩn thận. Do đó, cần phải bảo tồn và thực sự khôi phục các hệ sinh thái dưới nước, để có thể sử dụng bền vững và duy trì nguồn tài nguyên đầy đủ và có chất lượng

tốt. Luật nước năm 1992 đã được soạn thảo để đáp ứng những yêu cầu này và bổ sung các “lỗ hổng” của Luật năm 1964. Việc bảo vệ các hệ sinh thái đã trở thành một trong những điểm chính của luật năm 1992.

Vào ngày 3 tháng 1 năm 1992, các công cụ lập kế hoạch mới đã được quy định để thực hiện chính sách về nước chú trọng hơn đến môi trường. Ở cấp độ khu vực, chính sách này nằm trong khuôn khổ của sáu lưu vực sông lớn được xác định bởi luật nước năm 1964 và ở cấp độ địa phương, trong khuôn khổ của các đơn vị địa lý tự nhiên (diện tích lưu vực, hồ chứa nước ngầm, các phần của bờ biển, hồ). Để đạt được điều này, hai quy trình đã được đưa ra: “*Schéma Directeur d'Aménagement et de Gestion des Eaux*” (*Kế hoạch tổng thể về quản lý và phát triển nước - SDAGE*) và “*Schéma d'Aménagement et de Gestion des Eaux*” (*Kế hoạch Phát triển và Quản lý tài nguyên nước địa phương*) (*SAGE*). Để quản lý tài nguyên nước trong dài hạn và thúc đẩy phát triển bền vững, chính sách này nhằm mục đích phi tập trung hóa, tham vấn, tập thể và điều hòa, phân bổ tài nguyên nước cho các mục đích sử dụng khác nhau trong khi vẫn phải bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên. Sau đó, các hành động được triển khai theo Luật 1992 đến năm 2001 ở cấp khu vực cũng như cấp địa phương điển hình là việc ban hành các SDAGE và SAGE cấp lưu vực và cấp địa phương.

Những công cụ mới này có thể được coi là những yếu tố chính để thúc đẩy quản lý có sự tham gia trong một nhà nước tập trung truyền thống, mở rộng đáng kể số lượng các bên tham gia vào quá trình ra quyết định. Đây có thể được coi là một quá trình tích cực, cho phép đạt được sự đồng thuận của địa phương, tạo ra một “nền văn hóa nước” tập thể và xác định các giải pháp đàm phán để giải quyết vấn đề. Mặc dù các thủ tục này cho phép các vấn đề về môi trường và tài nguyên nước được quyết định và giải quyết từ quan điểm bền vững với sự tham gia của nhiều bên, nhưng không phải tất cả các xung đột giữa các bên liên quan đều được giải quyết và trong một số trường hợp, quá trình chuyển từ đàm phán sang hành động có thể bị chậm lại.

Tham khảo mô hình tổ chức lưu vực sông của các nước cho thấy mô hình tổ chức của Trung Quốc có nhiều điểm có thể tham khảo để có thể áp dụng tại Việt Nam, về cơ chế tài chính để hoạt động có thể nghiên cứu kinh nghiệm từ

Pháp. Để tổ chức lưu vực sông hoạt động hiệu quả cần phải giải quyết bài toán về tổ chức và hoạt động của tổ chức lưu vực sông với hai nội dung chính:

- Thứ nhất, tổ chức lưu vực sông phải có đủ quyền lực quản lý toàn diện nguồn nước lưu vực sông, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả phối hợp giải quyết những vấn đề chung, có tính chất liên ngành, liên vùng, liên địa phương trong quản lý nhà nước về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường lưu vực sông với khai thác, sử dụng'

- Thứ hai, quy định cụ thể về cơ chế huy động tài chính, nghĩa vụ đóng góp tài chính để đảm bảo cho hoạt động của tổ chức lưu vực sông (ngân sách của các địa phương nằm trên lưu vực; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phí xả nước thải vào nguồn nước, kinh phí đóng góp của các tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng tài nguyên nước trên lưu vực);

- Thứ ba, phải gắn kết chặt chẽ giữa kỹ thuật và quản lý, có sự giám sát, tham gia tích cực của cộng đồng dân cư ven nguồn nước.

II. MÔ HÌNH CỘNG ĐỒNG THAM GIA BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC VÀ TỔ CHỨC LƯU VỰC SÔNG VỤ GIA - THU BỒN (MÔ HÌNH THỬ NGHIỆM)

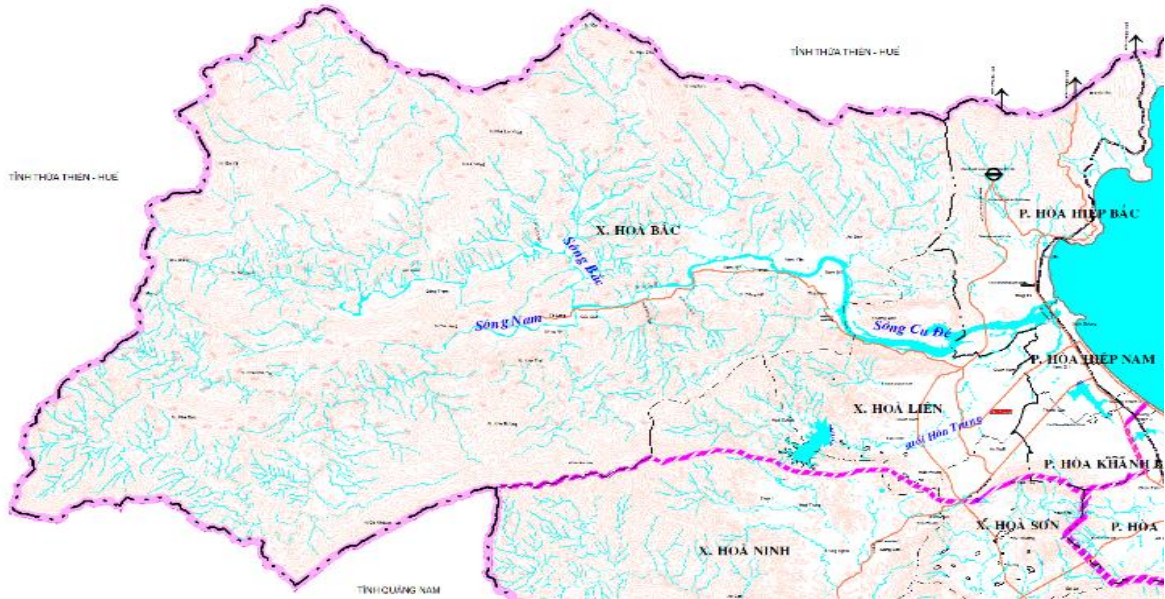
1. Mô hình huy động các sáng kiến của cộng đồng bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông Cu Đê, thành phố Đà Nẵng

1.1. Ý tưởng xây dựng mô hình

Mô hình được đề xuất trên cơ sở phối hợp, hỗ trợ giữa Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng với Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng (CECR), Trung tâm tư vấn Phát triển Bền vững Tài nguyên nước và Thích nghi Biến đổi khí hậu (CEWAREC) trong khuôn khổ dự án “Chung tay hành động bảo vệ nguồn nước”. Mục tiêu của việc xây dựng mô hình nhằm huy động, thúc đẩy các sáng kiến của cộng đồng để bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông Cu Đê, thành phố Đà Nẵng, tập trung chính vào đoạn sông được khai thác để phục vụ cấp nước sinh hoạt.

Sông Cu Đê được hợp thành bởi hai dòng sông Bắc và sông Nam, bắt nguồn từ dãy Trường Sơn hùng vĩ. Sông Bắc xuất phát trên dãy Bạch Mã thuộc huyện Phú Lộc (tỉnh Thừa Thiên Huế). Sông Nam xuất phát từ vùng núi của huyện Đông Giang (tỉnh Quảng Nam). Hai sông Bắc và Nam giao nhau tại thôn Tà Lang, xã Hòa Bắc (huyện Hòa Vang) ở vị trí cầu Sập (nay là cầu Tà Lang -

Giàn Bí). Từ Tà Lang, sông chảy theo hướng Tây - Đông qua các xã Hòa Bắc, Hòa Liên (huyện Hòa Vang), phường Hòa Hiệp Bắc (quận Liên Chiểu) và đổ ra vịnh Đà Nẵng ở cửa biển Cu Đê.

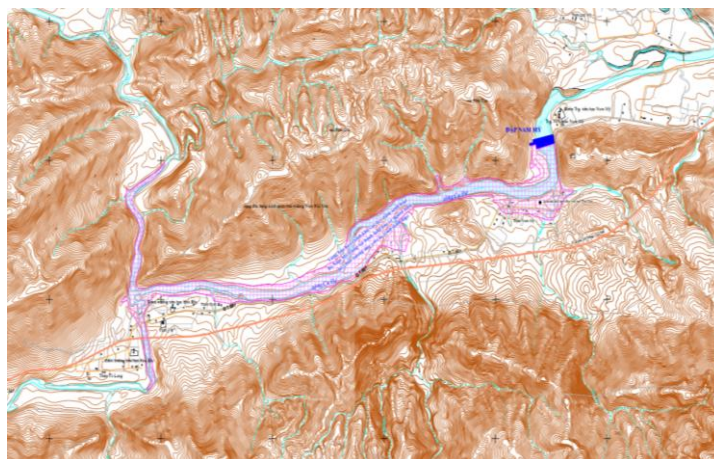


Hình 1. Sơ đồ lưu vực sông Cu Đê

Theo quy hoạch, nguồn nước sông Cu Đê có lưu vực nằm hoàn toàn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, được xác định là nguồn nước vô cùng quan trọng, có thể khai thác để đáp ứng lên đến 40% nhu cầu dùng nước trên toàn địa bàn thành phố Đà Nẵng, tầm nhìn đến năm 2050 (tương ứng 400.000 m³/ngày đêm). Trong chiến lược phát triển và đảm bảo an ninh nguồn nước, hồ sông Bắc phía thượng nguồn sông Cu Đê được tính toán thiết kế với dung tích hữu ích lên đến 50 triệu m³, đóng vai trò là kho báu dự trữ nước chiến lược của thành phố Đà Nẵng. Việc phát triển nguồn nước sông Cu Đê sẽ giúp Đà Nẵng giảm phụ thuộc vào nguồn nước sông Vu Gia, hiện đang chiếm khoảng 95% tổng nhu cầu dùng nước của thành phố Đà Nẵng. Điều đó đồng nghĩa với việc Đà Nẵng sẽ giảm đối mặt với các thách thức liên quan đến hạn hán, xâm nhập mặn, vận hành của các nhà máy thủy điện trên thượng nguồn lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, việc các nguồn năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời,...) tham gia vào việc điều chỉnh thời gian phát điện xả nước về hạ du của các nhà máy thủy điện và ô nhiễm nguồn nước do các hoạt động phát triển kinh tế xã hội trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn.

Tuy nhiên, theo quy hoạch phát triển hiện trạng và tương lai, nhiều khu dân cư, khu đô thị mới sẽ mọc lên hai bên bờ sông; cùng với đó là nước thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngày càng làm gia tăng lượng nước thải vào sông Cu Đê, tiềm ẩn các nguy cơ ô nhiễm nguồn nước. Ngoài ra, hạ lưu sông Cu Đê là đoạn sông bị nhiễm mặn trong mùa kiệt, do đó để khai thác, sử dụng hiệu quả và “đánh thức” tối đa các tiềm năng của dòng Cu Đê, việc bảo vệ nguồn nước sông Cu Đê rất cần sự chung tay, gìn giữ, đóng góp của các bên liên quan, trong đó cộng đồng có vai trò quyết định.

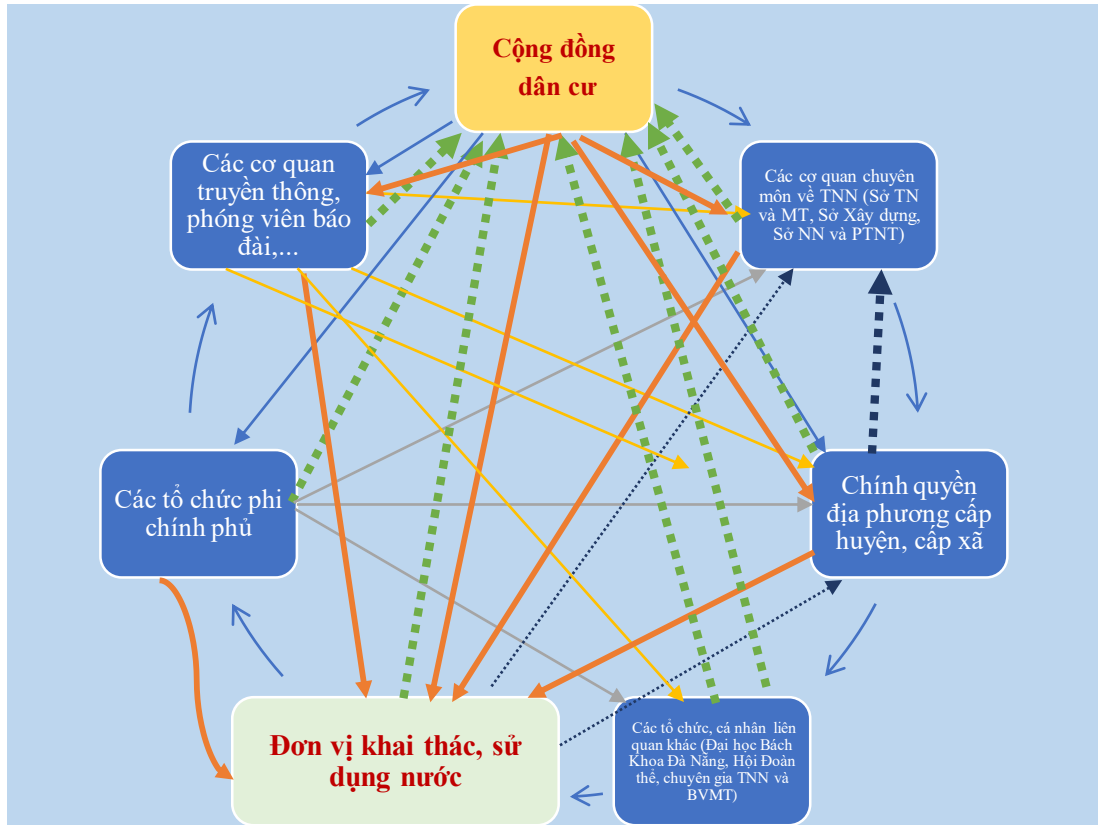
Hiện nay, để đảm bảo ưu tiên cao nhất cho mục đích cấp nước sinh hoạt, Đà Nẵng đã lập bản đồ xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực cấp nước sinh hoạt của công trình khai thác nước mặt trên sông Cu Đê. Theo đó, trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực cấp nước sinh hoạt, các tổ chức, cá nhân khi thực hiện các hoạt động có ảnh hưởng đến chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường và thực hiện các quy định nghiêm ngặt về bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ an toàn hồ chứa nước và các quy khác có liên quan. Đặc biệt, đối với cơ sở đang hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước phải có giải pháp để khắc phục hoặc sẽ bị chấm dứt hoạt động để đảm bảo ưu tiên cao nhất cho vấn đề bảo vệ an toàn, an ninh nguồn nước.



Hình 2. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước mặt trên sông Cu Đê thuộc dự án Nhà máy nước Hòa Liên

b. Các nhiệm vụ chính để thiết lập mô hình gồm:

- Xác định các bên liên quan và vai trò, trách nhiệm, khả năng đóng góp của mỗi bên trong việc bảo vệ tài nguyên nước sông Cu Đê. Trong đó, ngoài vai trò trách nhiệm của mỗi bên theo quy định, theo khả năng đóng góp, mô hình chú trọng đến sự tương tác của các bên liên quan nhằm hỗ trợ, thúc đẩy các sáng kiến của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ tài nguyên nước, gắn với sinh kế và bảo tồn văn hoá bản địa.



Hình 3. Các bên liên quan

Trong mô hình cộng đồng dân cư bảo vệ tài nguyên nước, đại diện cộng đồng dân cư và các đơn vị khai thác, sử dụng tài nguyên nước là các đối tượng trọng tâm. Trong đó, các đơn vị khai thác, sử dụng tài nguyên nước sẽ gắn kết chặt chẽ với cộng đồng dân cư trong việc thực thi vai trò trách nhiệm của mình về bảo vệ tài nguyên nước thông qua các hoạt động: công khai thông tin về kế hoạch, phương án khai thác tài nguyên nước, chất lượng nguồn nước, hỗ trợ và gắn kết các hoạt động bảo vệ nguồn nước thông qua tài trợ tài chính cho các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước tại địa phương, nâng cao năng lực và công khai thông tin để cộng đồng thực thi hiệu quả quyền giám sát chất lượng nước, các hoạt động xả thải vào vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, thúc

đẩy du lịch sông nước gắn với công tác giáo dục, tuyên truyền bảo vệ tài nguyên nước và du lịch có trách nhiệm; đẩy mạnh các hoạt động truyền thông bảo vệ tài nguyên nước và bảo vệ rừng đầu nguồn. Ngoài ra, cộng đồng dân cư còn phát huy quyền và trách nhiệm, vai trò của mình thông qua việc đề xuất, phản ánh ý kiến của mình đối với các đơn vị khai thác, sử dụng nước, chính quyền địa phương, các cơ quan truyền thông, các tổ chức phi chính phủ để nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về tài nguyên nước; thúc đẩy việc thực thi các hoạt động bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư một cách thiết thực, hiệu quả.

Để duy trì và phát huy hiệu quả mô hình cộng đồng dân cư bảo vệ tài nguyên nước, bên cạnh việc xác định nội dung hoạt động, tài chính thì cơ chế, chính sách về tổ chức, hoạt động của mô hình để làm cơ sở triển khai thực hiện cũng rất cần thiết. Hiện nay, chưa có quy định về việc thành lập các hội, nhóm, tổ chức của cộng đồng dân cư tham gia bảo vệ tài nguyên nước nên chưa phát huy được hết nguồn lực vô cùng lớn và quan trọng này để thực thi một cách hiệu quả công tác bảo vệ tài nguyên nước. Vì vậy, để mô hình có thể duy trì và tồn tại, rất cần thiết quy định bổ sung về vai trò, trách nhiệm của địa phương trong việc hướng dẫn, định hướng nội dung hoạt động, có động viên, khuyến khích và hỗ trợ thông qua việc công khai, minh bạch thông tin, cảnh báo sớm thiên tai về tài nguyên nước, đặc biệt là các thông tin liên quan thiết thực đến cuộc sống, sinh kế của người dân như: hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn, ứng phó ô nhiễm nguồn nước, các dự án tài nguyên nước có ảnh hưởng đến sinh kế của người dân.

Ở Đà Nẵng, công tác truyền thông về tài nguyên nước thông qua các cơ quan truyền thông được đặc biệt chú trọng. Thông qua việc cung cấp, chia sẻ thông tin một cách rộng rãi, khách quan, đa chiều, trong đó có cả các ý kiến phản biện sẽ thúc đẩy sự tiến bộ của các cơ quan quản lý nhà nước, cũng như việc phản ánh một cách có trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên nước. Ngoài ra, để làm tốt công tác bảo vệ tài nguyên nước, vai trò, sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và các tổ chức phi chính phủ cũng đóng vai trò vô cùng quan

trọng. Bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý tài nguyên nước tại địa phương cho thấy, các quyết định được ban hành về điều hành hồ chứa, lựa chọn nguồn nước để khai thác, bảo vệ chất lượng nước khi được nghiên cứu một cách khoa học, bài bản, sẽ là công cụ hỗ trợ đắc lực cho các quyết định của chính quyền khi được ban hành phù hợp với thực tiễn.

- Tại khu dân cư, dự kiến sẽ khảo sát, lấy ý kiến của người dân để thành lập nhóm cộng đồng dân cư bảo vệ nguồn nước sông Cu Đê, trên tinh thần tự nguyện, không hạn chế về số lượng. Các nội dung này sẽ được triển khai vào quý II năm 2023 sau khi UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt Bản đồ vùng bảo hộ vệ sinh khu vực cấp nước sinh hoạt của công trình khai thác nước mặt trên sông Cu Đê thuộc dự án Nhà máy nước Hoà Liên.

- Hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến mô hình xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với đặc thù kinh doanh du lịch dịch vụ và khả năng tài chính của các hộ kinh doanh (mùa mưa nước lũ tháo dỡ các lều trại và dừng kinh doanh).

- Xây dựng quy chế giám sát, kế hoạch phối hợp bảo vệ nguồn nước sông Cu Đê.

- Huy động nguồn lực để hỗ trợ cộng đồng thực hiện các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước sông Cu Đê.

- “Xây dựng bản đồ vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên sông Cu Đê và khu vực lân cận cần phải bảo vệ nghiêm ngặt;

- Xây dựng Quy chế phối hợp bảo vệ chất lượng nguồn nước sông Cu Đê và giám sát các các nguồn thải nguy hại có thể phát sinh từ hoạt động khai thác vàng trái phép phía thượng lưu.

- Truyền thông và huy động các sáng kiến bảo vệ nguồn nước tại vùng bảo hộ vệ sinh khu vực cấp nước sinh hoạt trên sông Cu Đê.

- Thành lập nhóm cộng đồng bảo vệ nguồn nước (khu vực bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt và các khu vực ở thượng nguồn là điểm nóng có khả năng tái diễn nạn khai thác vàng trái phép);

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, huy động các sáng kiến, đóng góp của cộng đồng và các hội đoàn thể, các tổ chức, cá nhân để bảo vệ nguồn nước sông Cu Đê:

- + Cắm các bảng hiệu, biển báo tuyên truyền bảo vệ nguồn nước;
- + Tổ chức đêm nhạc “Thành phố ở đầu biển - Thành phố cuối dòng sông” hoặc chủ đề tương tự về bảo vệ nguồn nước.

- + Chung tay bảo vệ nguồn sinh thủy khu vực miền núi xã Hoà Bắc, tạo cảnh quan mát mẻ, xanh -sạch-đẹp tại khu vực đập dâng Nam Mỹ và Nhà máy nước Hoà Liên.

- + Tổ chức các hoạt động truyền thông (Nói chuyện tuyên truyền, hội thảo - tập huấn, tọa đàm, trao đổi, chia sẻ thông tin) liên quan đến phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, lũ lụt, hạn hán, sạt lở lưu vực sông Cu Đê. Nội dung truyền thông tập trung vào việc cung cấp thông tin cho bà con vùng bảo hộ vệ sinh khu vực cấp nước sinh hoạt của Nhà máy nước Hoà Liên trên sông Cu Đê về: Hiện trạng và định hướng khai thác, sử dụng nước trên sông Cu Đê trong tương lai và Các thách thức trong công tác khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước sông Cu Đê (Hạn hán, xâm nhập mặn; lũ lụt; ô nhiễm, suy thoái nguồn nước). Đồng thời, giới thiệu cho bà con, các hộ kinh doanh homestay mô hình xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với các homestay và chống xói mòn, sạt lở bờ sông bằng cỏ Vetier. Tham gia buổi tập huấn là các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài nguyên nước, bảo vệ môi trường.

2. Mô hình Ban điều phối lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn (mô hình thử nghiệm) và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng

2.1. Căn cứ pháp lý thành lập và thử nghiệm mô hình Ban điều phối

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014 (Thay thế bởi Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020);
- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

- Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;
- Thỏa thuận phối hợp số 01/TTPH-UBNDĐN-UBNDQN ngày 21 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Nam và UBND thành phố Đà Nẵng về phối hợp thực hiện Quản lý tổng hợp (QLTH) lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng;
- Quyết định số 4546/QĐ-UBNDĐN-UBNDQN ngày 18 tháng 8 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng và UBND tỉnh Quảng Nam về việc thành lập Ban điều phối về Quản lý tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng;
- Quyết định số 4828/QĐ-BĐP ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Ban Điều phối về quản lý tổng hợp về lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng về việc thành lập Tổ công tác thường trực Ban Điều phối về Quản lý tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng;
- Quyết định số 1537/QĐ-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn (Thay thế bởi Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn).

2.2. Mục đích thành lập mô hình Ban điều phối

- Thiết lập thử nghiệm một thể chế liên tỉnh - thành phố để QLTH lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng trên lĩnh vực bảo vệ môi trường và tài nguyên nước;
- Tăng cường phối hợp giữa UBND tỉnh Quảng Nam và UBND thành phố Đà Nẵng, giữa các ban, ngành của hai địa phương và các bên liên quan để quản lý tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng, tiến tới hài hòa giữa phát triển kinh tế, an sinh xã hội và an toàn sinh thái (bảo tồn), môi trường;
- Chia sẻ thông tin, khuyến khích hợp tác giữa các bên liên quan (các sở, ban, ngành, doanh nghiệp trên cùng lưu vực; giữa nhà nước và cộng đồng dân cư trong vùng, và các BQL các khu bảo tồn thiên nhiên và di sản trong vùng).

2.3. Nội dung phối hợp

UBND tỉnh Quảng Nam và UBND thành phố Đà Nẵng thỏa thuận cùng thực hiện các nội dung sau:

1. Áp dụng thử nghiệm việc thành lập một thể chế liên tỉnh – thành phố để hợp tác, điều phối các hoạt động liên quan tới quản lý tổng hợp lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng, cụ thể như sau:

a) Thành lập BDP chung (BDP lâm thời) để giải quyết các vấn đề liên tỉnh, liên vùng bao gồm:

- Lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Nam và UBND thành phố Đà Nẵng;
- Các cơ quan chức năng liên quan đến quản lý tổng hợp lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng.

b) Cơ quan đầu mối của BDP là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng. Các cơ quan chức năng cùng tham gia thành viên của BDP gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Sở Tài Chính; Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Giao thông - Vận tải; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Y tế; Đài Khí tượng Thủy văn Khu vực Trung Trung bộ và Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Quảng Nam.

c) Giai đoạn thử nghiệm trong 3 năm (2017-2020), sau đó sẽ xem xét đề gia hạn 3 năm tiếp theo nếu không có văn bản đề nghị chấm dứt của UBND tỉnh Quảng Nam hoặc UBND thành phố Đà Nẵng. Trong trường hợp có sự thay đổi việc quản lý liên quan đến lưu vực sông, hai địa phương tự điều chỉnh để phù hợp với quy định cấp quốc gia.

d) BDP mời các tổ chức trong và ngoài nước, trong đó có Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên quốc tế (IUCN) tại Việt Nam, Viện Nghiên cứu Chuyên đổi Môi trường và Xã hội (ISET) và các tổ chức có liên quan, tham gia với vai trò là các nhà tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật để hỗ trợ thực hiện trong giai đoạn thử nghiệm.

2. Tổ chức thực hiện các nguyên tắc cơ bản của QLTH lưu vực sông và vùng bờ biển trong quá trình hoạch định/điều chỉnh chiến lược, chính sách và kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế xã hội trên lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng; và triển khai thực hiện một số nội dung liên

quan tại Kết luận số 26-KL/TUQN-TUDN của BTV tỉnh ủy Quảng Nam và BTV Thành ủy Đà Nẵng:

- BDP có trách nhiệm tổ chức xây dựng các quy chế, kế hoạch hoạt động chi tiết liên quan và triển khai các kế hoạch này trong quá trình phối hợp;

- Trong thời gian hoạt động, BDP cử luân phiên Trưởng ban và bàn giao tại cuộc họp định kỳ 6 tháng/lần.

3. Kết thúc giai đoạn thử nghiệm, BDP tổ chức rút kinh nghiệm hoạt động và đánh giá hiệu quả, trên cơ sở đó điều chỉnh hoặc tiếp tục duy trì việc phối hợp của hai địa phương.

2.4. Tổ chức thực hiện

Để triển khai thực hiện thỏa thuận, các bên (UBND thành phố Đà Nẵng và UBND tỉnh Quảng Nam) thống nhất:

1. Ban điều phối QLTH tài nguyên nước lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng chỉ đạo việc xây dựng và trực tiếp ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của BDP lâm thời.

2. BDP quyết định cử Cơ quan đầu môi (thường trực) của tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng và một Tổ chuyên gia Hỗ trợ kỹ thuật cho BDP;

3. BDP chỉ đạo xây dựng Kế hoạch giai đoạn thử nghiệm về QLTH lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam – Đà Nẵng; Kế hoạch hàng năm và phân kỳ 6 tháng với sự hỗ trợ của IUCN Việt Nam, ISET và các hỗ trợ, tài trợ khác. Trong đó, IUCN Việt Nam, ISET và các nhà tài trợ trong và ngoài nước giúp xây dựng “Hướng dẫn kỹ thuật và chính sách” QLTH lưu vực sông và vùng bờ trên cơ sở tiếp cận R2R;

4. Nguồn tài chính để thực hiện giai đoạn thử nghiệm được huy động từ các nguồn: Ngân sách địa phương thông qua lồng ghép nhiệm vụ và đóng góp vật chất; Nguồn xã hội hóa; Nguồn tài trợ quốc tế.



Hình 4. Các bên liên quan chính đến tài nguyên nước trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn

Trong mô hình thí điểm Ban điều phối lưu vực sông Vu Gia-Thu Bồn, cơ quan thường trực Ban điều phối (Sở TN và MT hai địa phương) đóng vai trò là cơ quan tham mưu, tổng hợp chung. Các bên liên quan chính trong Ban Điều phối có thể chia thành các nhóm:

- Nhóm các cơ quan Trung ương: Bộ TN và MT, Bộ NN và PTNT, Bộ Công thương, Cục Quản lý TNN;
- Nhóm đại diện các cơ quan chuyên môn: Sở TN và MT, Sở XD, Sở NN và PTNT; Đài KTTV Khu vực TTV, Đài KTTV tỉnh Quảng Nam;
- Các đơn vị khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên lưu vực sông Vu Gia-Thu Bồn và Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia.
- Chuyên gia;
- Các cơ quan báo đài.

Trong các tình huống bình thường, Ban điều phối hoạt động theo chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, Lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Nam/Thành phố Đà Nẵng luân phiên điều hành theo định kỳ 06 tháng/lần.

Các thành viên là đại diện các cơ quan chuyên môn thực hiện các kế hoạch, nội dung hợp tác đã được ký kết giữa hai địa phương. Trọng tâm của sự hợp tác là giám sát vận hành của các Nhà máy thủy điện, giám sát chất lượng nước, tham mưu trong công tác ứng phó với các tình huống thời tiết cực đoan có thể xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn không đảm bảo cấp nước cho hạ du, cần phải có sự điều tiết nước hợp lý, trên cơ sở Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực và nguyên tắc ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt.

Các quyết định điều hành được đưa ra trên cơ sở trao đổi nhanh, tham vấn ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là có ý kiến của các đơn vị khai thác, sử dụng nước. Trường hợp cần thiết có yếu tố vận hành không đảm bảo quy trình do liên quan đến việc phát điện, còn có sự trao đổi, tăng cường phối hợp với Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia, Bộ Công thương.

Ngoài ra, Ban điều phối còn nghiên cứu, đề xuất với chính quyền hai địa phương trong vấn đề gia cố, xây dựng các đập điều tiết nước, đập ngăn mặn, thực hiện các biện pháp chống hạn.

Trong hoạt động điều phối lưu vực sông, chuyên gia của hai địa phương có vai trò xuất sắc và tích cực trong việc tư vấn về kỹ thuật cho Ban điều phối, làm cơ sở khoa học cho việc ra các quyết định chuẩn xác về khai thác, sử dụng tài nguyên nước hiệu quả, ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn và phòng chống tác hại do nước gây ra.

CHƯƠNG II

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Luật Tài nguyên nước năm 2012 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 21 tháng 6 năm 2012, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến nay. Trên cơ sở các quy định của Luật, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, các cấp chính quyền địa phương đã ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; các sở, ban, ngành, các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã tích cực triển khai thi hành Luật, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Qua gần 10 năm thực hiện, Luật Tài nguyên nước năm 2012 đã đạt được những kết quả quan trọng trên 3 nhóm vấn đề nghiên cứu:

- Phát huy trách nhiệm, vai trò của cộng đồng dân cư trong bảo vệ tài nguyên nước.

- Minh bạch, công khai thông tin bảo đảm quyền về tiếp cận thông tin và phục vụ mục tiêu giám sát của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên nước.

- Tổ chức lưu vực sông và quản lý tổng hợp lưu vực sông.

I. HIỆN TRẠNG THỰC THI LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC 2012 ĐỐI VỚI CÁC NHÓM CHÍNH SÁCH NGHIÊN CỨU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1. Kết quả điều tra, khảo sát đối với đại diện cộng đồng dân cư và cán bộ quản lý tài nguyên nước cấp quận/huyện, xã/phường về tình hình thực thi Luật tài nguyên nước 2012 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Để có đánh giá khách quan về tình hình tổ chức thực hiện Luật Tài nguyên nước năm 2012 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, nhóm nghiên cứu đã làm cuộc điều tra, khảo sát (qua phỏng vấn trực tiếp và thông qua phiếu hỏi đến đại diện cộng đồng dân cư và các nhà quản lý). Phiếu hỏi được thiết kế dành cho hai nhóm đối tượng khảo sát (Đính kèm tại Phụ lục).

Phiếu điều tra được thiết kế gồm các câu hỏi, nội dung tập trung vào các nhóm vấn đề sau: 1/ Tình hình thực thi vai trò, trách nhiệm của cộng đồng được

quy định tại Luật Tài nguyên nước năm 2012 và 2/ Các nội dung cần quy định điều chỉnh, bổ sung để tăng cường, phát huy vai trò, trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên nước. Tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát cho kết quả như sau:

1.1. Đánh giá của cán bộ quản lý tài nguyên nước

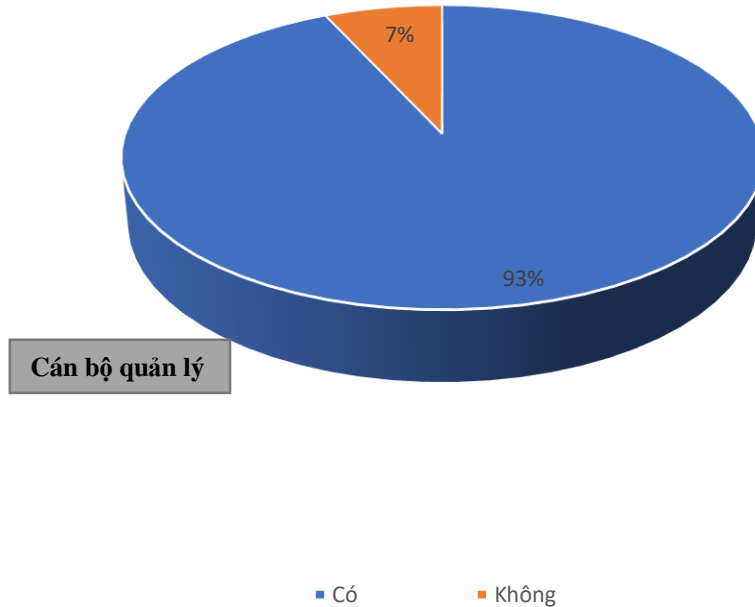
Về nội dung điều tra, khảo sát, chúng tôi tập trung vào nhóm vấn đề về vai trò, trách nhiệm của cộng đồng, dân cư, trong môi trường quan với việc công khai, minh bạch thông tin tài nguyên nước. Việc công khai, minh bạch thông tin là cơ sở để cộng đồng dân cư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như thực hiện các quyền tham vấn, giám sát, khiếu nại, tố cáo liên quan đến môi trường nước, tài nguyên nước. Đồng thời, tham vấn ý kiến của cán bộ quản lý về tài nguyên môi trường về các nội dung cần quy định điều chỉnh, bổ sung để tăng cường, phát huy vai trò, trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên nước.

Do hạn chế về thời gian và nguồn lực, chúng tôi chỉ chọn quận Thanh Khê và huyện Hoà Vang là hai địa phương có nhiều hoạt động bảo vệ tài nguyên nước đang triển khai để khảo sát. Kết quả khảo sát bằng phiếu kết hợp với phỏng vấn trực tiếp đối với **30** cán bộ làm công tác quản lý về tài nguyên nước (đa số là cán bộ kiêm nhiệm các lĩnh vực tài nguyên môi trường và địa chính) ở cấp huyện và cấp xã và **91** người dân đại diện cho nhóm cộng đồng dân cư ven nguồn nước tại quận Thanh Khê và huyện Hoà Vang (tại các khu vực đang có các hoạt động bảo vệ nguồn nước).

Kết quả khảo sát chi tiết đối với từng vấn đề, từng nhóm đối tượng như sau:

1.1.1. Kết quả khảo sát đối với nhóm cán bộ quản lý tài nguyên nước cấp quận, huyện, xã phường

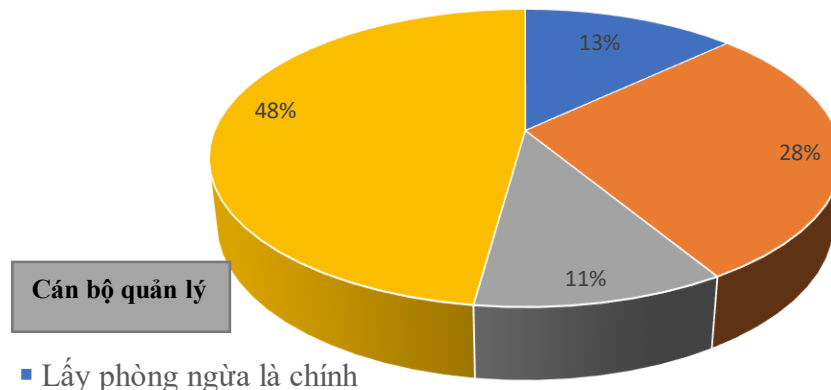
1. Từng nghiên cứu các nội dung được quy định tại Luật Tài nguyên nước năm 2012 nói chung và các quy định cụ thể về vai trò, trách nhiệm của cộng đồng được nêu tại Luật Tài nguyên nước năm 2012 ?



Nhận xét: 7% cán bộ làm công tác quản lý tài nguyên nước được hỏi trả lời họ chưa từng nghiên cứu Luật Tài nguyên nước và các quy định hiện hành về vai trò, trách nhiệm của cộng đồng có thể cho thấy:

- Thực tế các nội dung quy định tại Luật TNN về trách nhiệm QLNN lĩnh vực TNN đối với cấp xã, cấp huyện còn khá ít, mới chỉ tập trung ở cấp tỉnh. Một số địa phương cấp xã gần như chưa từng triển khai các nhiệm vụ riêng về lĩnh vực TNN, đa số lồng ghép với nhiệm vụ về BVMT.
- Việc nghiên cứu, tuyên truyền Luật TNN và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến cộng đồng dân cư còn khá hạn chế.
- Chưa có/thiếu cán bộ được đào tạo đúng chuyên ngành về tài nguyên nước, chưa có biên chế chuyên trách làm công tác quản lý TNN tại cấp huyện/cấp xã (đa số là kiêm nhiệm), cán bộ cấp xã (kiêm nhiệm) thường được luân chuyển công tác cũng là khó khăn đối với việc triển khai các nhiệm vụ TNN tại địa phương.

2. Các nội dung nào về bảo vệ tài nguyên nước sau đây đã được thực hiện tốt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ?



Cán bộ quản lý

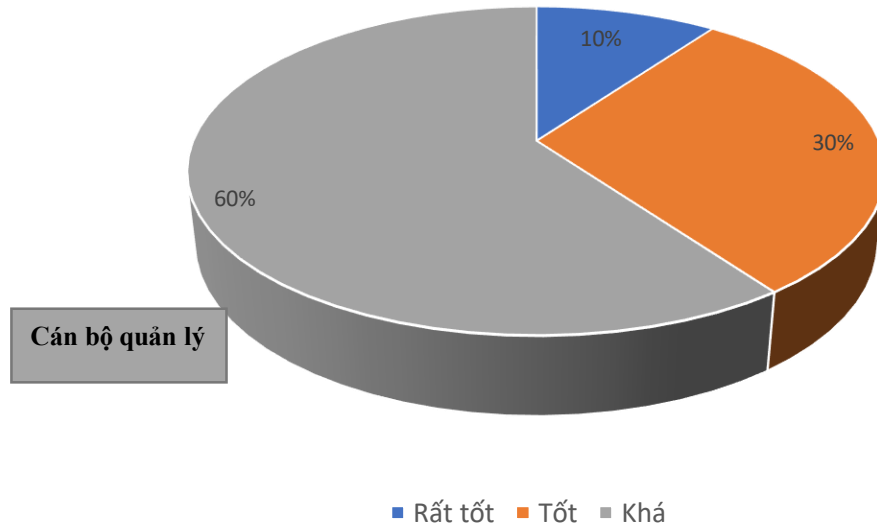
- Lấy phòng ngừa là chính
- Gắn với việc bảo vệ, phát triển rừng và khả năng tái tạo tài nguyên nước
- Kết hợp với bảo vệ chất lượng nước và hệ sinh thái thủy sinh
- Khắc phục, hạn chế ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước

Nhận xét: Từ 4 nội dung đề cập để lấy ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý TNN về việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ TNN của các cơ quan QLNN, kết quả thu nhận được cho thấy ý kiến đánh giá không tập trung, khá phân tán, có thể cho chúng ta một số nhận xét như sau:

- 48% số người được hỏi cho rằng công tác khắc phục, hạn chế ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước đang được thực hiện tốt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, điều này khá phù hợp với thực tế. Thành phố Đà Nẵng là địa phương đầu tư khá đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải; các phong trào ra quân bảo vệ môi trường được thực hiện khá thường xuyên, có hiệu quả. Bên cạnh đó, chương trình phối hợp bảo vệ môi trường được ký kết giữa Sở TN&MT và các hội đoàn thể được triển khai khá hiệu quả, thu hút được đông đảo hội viên các hội đoàn thể, cộng đồng dân cư tham gia. Trong thời gian qua, thành phố cũng thực hiện khá tốt chương trình hợp tác với tỉnh Quảng Nam trong vấn đề quản lý tổng hợp tài nguyên nước, để đảm bảo sử dụng nước hiệu quả, tiết kiệm, ứng phó với xâm nhập mặn, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước trong mùa cạn.

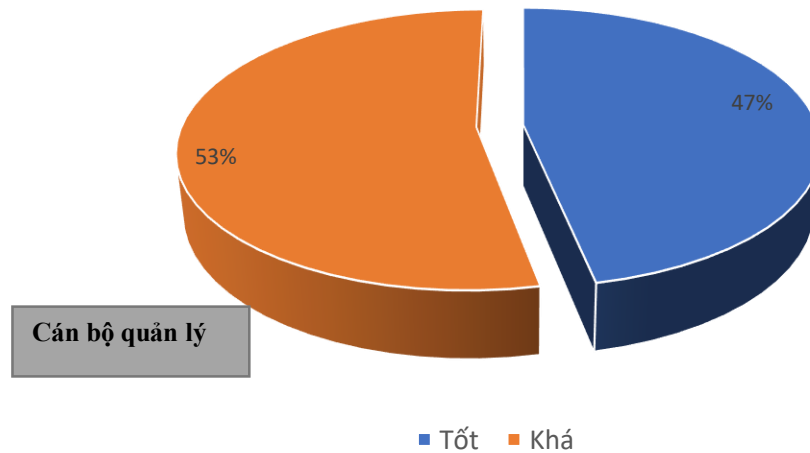
- Các nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên nước gắn với bảo vệ, phát triển rừng và tái tạo tài nguyên nước, hệ sinh thái thủy sinh và lấy phòng ngừa là chính cần được tập trung đẩy mạnh trong thời gian đến. Quá trình thực hiện các nội dung này cũng cần phải làm tốt công tác truyền thông để lan toả các kết quả thực hiện, huy động, gắn kết sự chung tay của các bên liên quan.

3. Việc lấy ý kiến của cộng đồng dân cư đối với các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân đã được thực hiện ra sao ?



Nhận xét: 90% số người được khảo sát đánh giá rất tốt và tốt cho câu hỏi này cho thấy thời gian qua, thành phố Đà Nẵng thực hiện tốt việc tham vấn ý kiến của người dân về lĩnh vực TNN, tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành. Các ý kiến của người dân luôn được quan tâm, tiếp thu đầy đủ trong quá trình thẩm định các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân. Tuy nhiên, số lượng các dự án thuộc nhóm dự án phải tham vấn ý kiến của cộng đồng dân cư đã được thực hiện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong 10 năm qua rất ít, chủ yếu là các Trạm xử lý nước thải tập trung, dự án Nhà máy nước Hòa Liên.

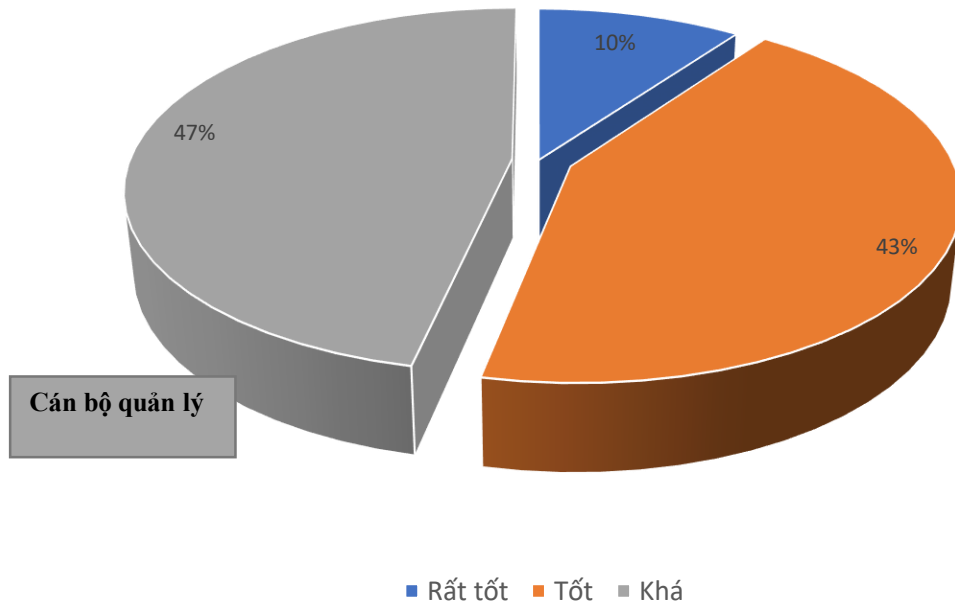
4. Việc công khai thông tin về những nội dung liên quan đến các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân đã được thực hiện như thế nào ?



Nhận xét: 53% số người được hỏi đánh giá khá đối với nội dung này phản ánh việc công khai thông tin đối với các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân thực hiện chưa hiệu quả, chưa thực chất, chưa tốt do:

- Tại Luật TNN 2012 và Nghị định số 201/2013/NĐ-CP (đã hết hiệu lực) chưa quy định những nội dung cụ thể nào liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước của dự án và những ảnh hưởng có thể gây ra trước khi triển khai thực hiện phải công khai, công bố; cũng như chưa quy định về hình thức công khai.
- Hình thức công khai, công bố thông tin chưa phù hợp cũng khiến thông tin chưa đến với cộng đồng dân cư, các cơ quan, tổ chức liên quan. Hiện nay, mạng xã hội bùng nổ đã thay đổi thói quen tiếp cận thông tin của người dân, vì vậy việc nghiên cứu hình thức công khai thông tin qua mạng xã hội cũng cần được lưu ý trong quá trình sửa đổi Luật TNN và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến nội dung này.

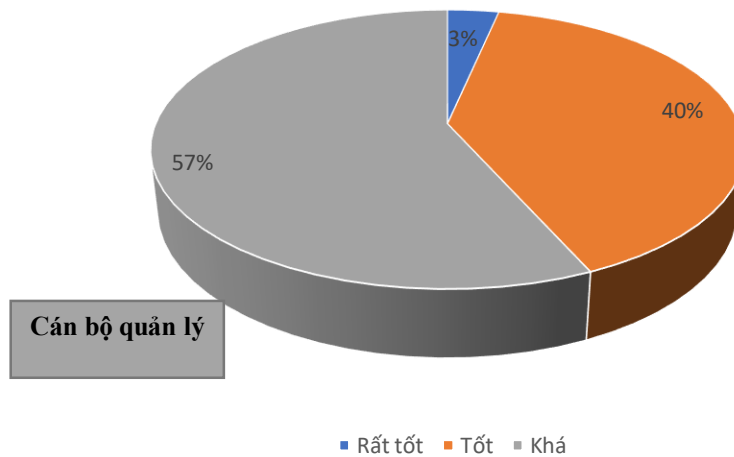
5. Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư và các tổ chức/cá nhân có liên quan trong việc lập quy hoạch tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được thực hiện thế nào ?



Nhận xét: 47 % số người được khảo sát đánh giá mức độ Khá cho nội dung này cho thấy:

- Công tác tuyên truyền về việc tích hợp các nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng chống tác hại do nước gây ra vào Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng thực hiện chưa hiệu quả. Cán bộ quản lý tài nguyên nước ở địa phương chưa nắm được quy định liên quan đến việc bỏ việc lập quy hoạch tài nguyên nước cấp tỉnh, tích hợp vào Quy hoạch chung của tỉnh/thành phố trực thuộc TW.
- Đề án khai thác tài nguyên nước mặt thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; hiện tại là phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng chống tác hại do nước gây ra đã được tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân, đặc biệt có sự tham gia tích cực, kỹ lưỡng của các chuyên gia, các nhà quản lý các cấp trên toàn địa bàn thành phố và địa phương lân cận trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn là tỉnh Quảng Nam. Đây là các nội dung mang tính chuyên môn sâu, nên các đóng góp ý kiến chủ yếu đến từ các sở nhanh (Sở Xây dựng, Sở NN và PTNT, Sở Công thương...) và các chuyên gia có chuyên môn trong lĩnh vực này.

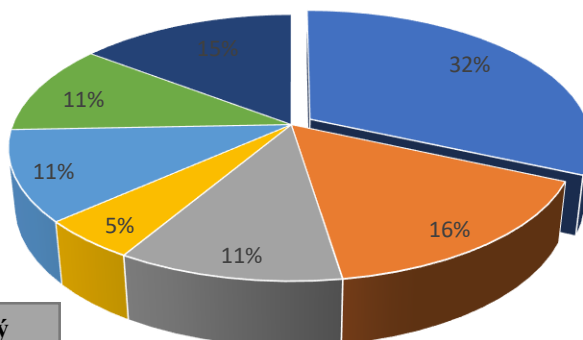
6. Các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có được tạo điều kiện để thực hiện quyền giám sát, đề xuất các biện pháp thực hiện quy hoạch tài nguyên nước trên địa bàn TP. Đà Nẵng ?



Nhận xét: 57 % số người được khảo sát đánh giá mức độ Khá cho nội dung này, khá tương đồng với kết quả khảo sát tại câu hỏi số 6, xuất phát từ các lý do như đã phân tích ở trên, ngoài ra:

- Tại Luật TNN 2012 và Nghị định số 201/2013/NĐ-CP (đã hết hiệu lực) chưa quy định những nội dung cụ thể liên quan đến phương thức thực hiện quyền giám sát, đề xuất các biện pháp thực hiện quy hoạch tài nguyên nước (nay đã được tích hợp vào Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng).
- Để thực hiện quyền này, việc có chuyên môn, kiến thức về lĩnh vực tài nguyên nước là cần thiết nên để thực hiện được quyền này, cần phải có quá trình lâu dài về việc nâng cao kiến thức cho cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân có liên quan.
- Hiện nay, Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng chưa được phê duyệt nên công tác này chưa được triển khai trên thực tế. Vì vậy, việc triển khai các nội dung liên quan đến việc tạo điều kiện để cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân thực hiện quyền giám sát, đề xuất các biện pháp thực hiện quy hoạch tài nguyên nước chưa được triển khai.

7. Ông/bà có từng biết đến các thông tin về tài nguyên nước sau đây ?



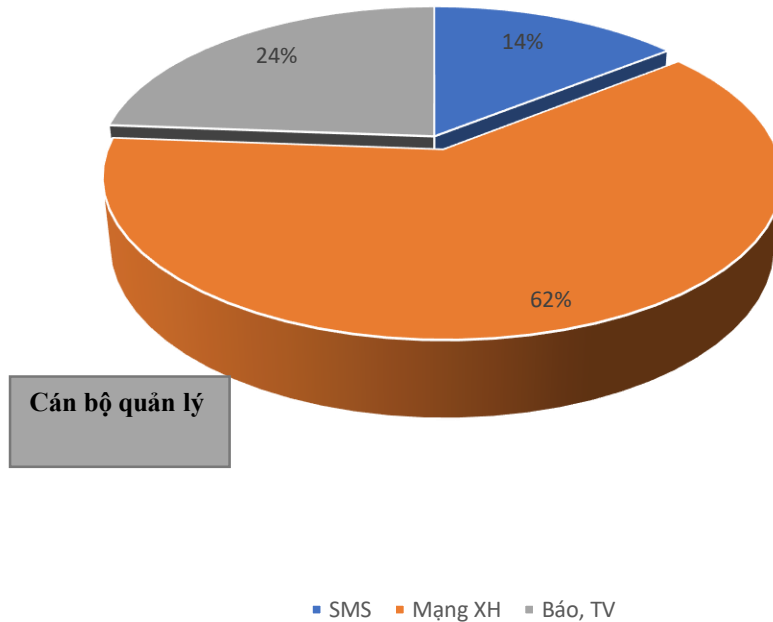
Cán bộ quản lý

- Các nguồn cấp nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
- Danh mục các ao, hồ không được san lấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
- Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực cấp nước sinh hoạt trên các sông/suối là nguồn cấp nước của các Nhà máy nước
- Hành lang bảo vệ nguồn nước
- Bản tin dự báo về tình hình hạn hán, xâm nhập mặn trên sông
- Chất lượng nguồn nước trên các sông, suối là nguồn cấp nước sinh hoạt
- Phương án ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước

Nhận xét: Thông tin nhận được sự quan tâm nhiều nhất đó chính là các nguồn cấp nước sinh hoạt, tiếp sau đó là danh mục các ao, hồ không được san lấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Kết quả khảo sát cho thấy:

- Thông tin về các nguồn cấp nước sinh hoạt đã được là thông tin quan trọng hàng đầu trong công tác quản lý TNN tại địa phương, vì gắn bó chặt chẽ đến cuộc sống của người dân.
- Kết quả khảo sát còn cho thấy các nội dung nêu trên mới được triển khai chính ở cấp thành phố; việc tiếp cận, sử dụng các thông tin nêu trên để phục vụ công tác quản lý nhà nước tại cấp huyện, cấp xã khá hạn chế.
- Thông tin về chất lượng nước trên các sông/suối là nguồn cấp nước sinh hoạt chưa được công bố, công khai đến cộng đồng dân cư mặc dù có liên quan mật thiết đến sức khỏe của nhân dân.

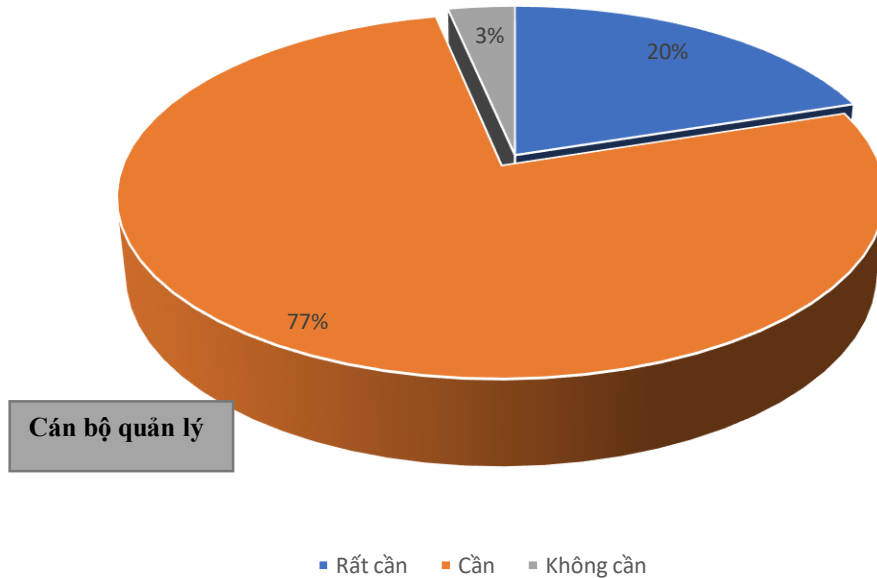
8. Các thông tin về tài nguyên nước nên được gửi đến người dân qua kênh nào là thuận lợi nhất ?



Nhận xét: Việc công bố thông tin về tài nguyên nước qua mạng xã hội được lựa chọn nhiều nhất, chiếm 62 %. Điều này cho thấy:

- Việc cung cấp các thông tin về tài nguyên nước qua Internet, điện thoại, các trung tâm cộng đồng, các thiết bị không dây hoặc các hệ thống liên lạc khác là xu thế tất yếu.
- Các thông tin về tài nguyên nước được gửi đến người dân qua các mạng xã hội là kênh thông tin hiệu quả nhất, nhanh chóng nhất hiện nay, cần nghiên cứu quy định tại dự thảo Luật TNN sửa đổi lần này. Bên cạnh đó là việc đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ và đảm bảo các điều kiện cần thiết để tổ chức tốt việc phản hồi, giải đáp các ý kiến của người dân trên mạng xã hội.

9. Việc mời đại diện cộng đồng dân cư làm thành viên Hội đồng thẩm định đối với các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân có cần thiết không ?

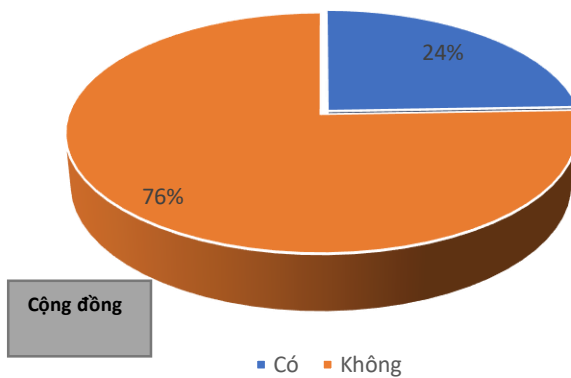


Nhận xét: 97% số cán bộ được hỏi cho rằng việc mời đại diện cộng đồng dân cư làm thành viên Hội đồng thẩm định đối với các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân là cần và rất cần, điều này cho thấy:

- Việc tiếp cận thông tin, giám sát, phản biện để bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ cuộc sống của mỗi cá nhân, của cộng đồng là nhu cầu chính đáng, cần được phát huy.
- Các ý kiến, đóng góp của cộng đồng dân cư sẽ góp phần ngăn chặn các dự án có tác động xấu đến sản xuất, đời sống của nhân dân.
- Cán bộ địa phương rất sẵn sàng cho vấn đề đối diện với các ý kiến phản biện của nhân dân, để có thể ra các quyết định đúng đắn khi xem xét toàn diện các vấn đề (tích cực lẫn tiêu cực) trong quá trình thẩm định, phê duyệt các dự án về tài nguyên nước.

1.1.2. Kết quả khảo sát đối với nhóm người dân đại diện cho cộng đồng dân cư

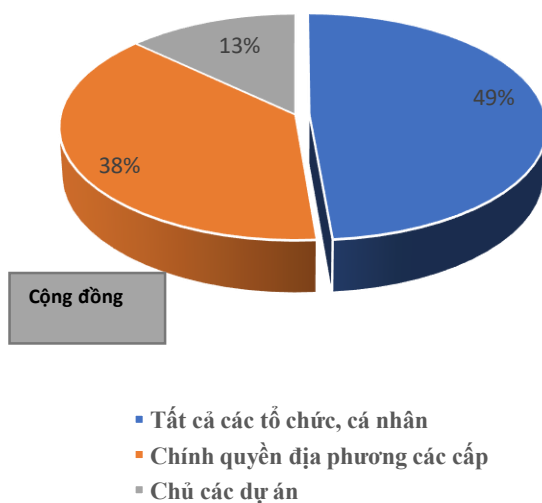
1. Từng nghiên cứu các nội dung được quy định tại Luật Tài nguyên nước năm 2012 nói chung và các quy định cụ thể về vai trò, trách nhiệm của cộng đồng được nêu tại Luật Tài nguyên nước năm 2012 ?



Nhận xét: 76% số người được hỏi trả lời họ chưa từng nghiên cứu các quy định về vai trò, trách nhiệm của cộng đồng nêu tại Luật TNN năm 2012 cho thấy:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật và các quy định về lĩnh vực TNN, đặc biệt là các nội dung liên quan đến cộng đồng rất hạn chế. Kết quả này khá phù hợp với thực tế hiện nay trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước thuộc về ?

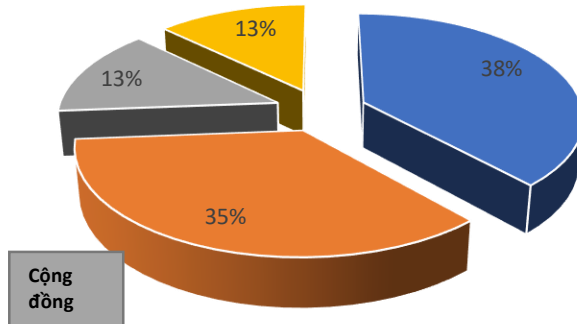


Nhận xét: Có đến 51% số người được hỏi trả lời trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước thuộc về chính quyền và chủ các dự án. Điều này cho thấy:

- Công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia vào việc bảo vệ tài nguyên nước chưa đạt hiệu quả mong muốn.

- Việc không huy động được sự tham gia của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ tài nguyên nước là một sự lãng phí nguồn lực to lớn.

3. Ông/bà đã từng hoặc sẵn lòng tham gia các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước nào cụ thể sau đây không ?



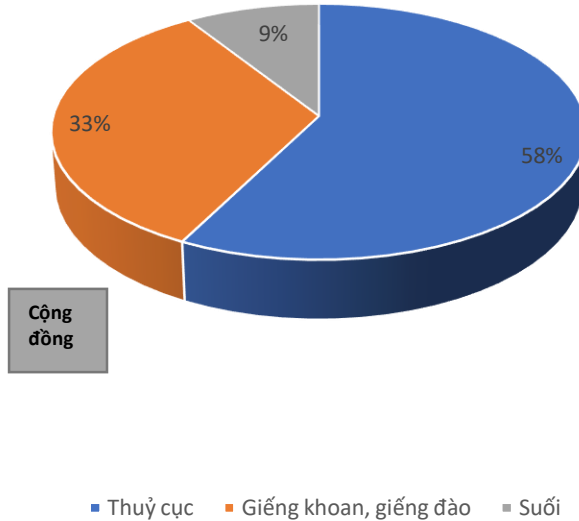
- Nạo vét, khơi thông cống rãnh
- Vớt rác trên sông/suối
- Giám sát chất lượng nguồn nước tại các sông/suối trên địa bàn và kiến nghị, cảnh báo với chính quyền địa phương các nguy cơ gây ô nhiễm
- Vận động người thân, các tổ chức, cá nhân cùng tham gia các hoạt động bảo vệ nguồn nước

Nhận xét: Ở câu hỏi này, các kết quả đều có đáp án trả lời, tuy nhiên:

- Số lượng người trả lời đã từng tham gia giám sát chất lượng nguồn nước và kiến nghị với chính quyền địa phương là khá thấp (13%), điều này cũng phù hợp với việc công khai minh bạch thông tin chất lượng nguồn nước hiện nay còn khá hạn chế.

- Ngoài ra, 73% trả lời rằng họ từng tham gia nạo vét, khơi thông cống rãnh, vớt rác trên sông/suối phản ánh việc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia các phong trào ra quân bảo vệ môi trường được thực hiện khá thường xuyên, có hiệu quả.

4. Nguồn nước sinh hoạt gia đình ông/bà đang sử dụng từ đâu ?

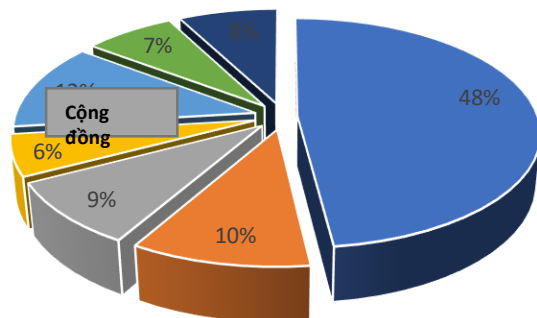


Nhận xét: Ở câu hỏi này, các câu trả lời cho thấy:

- Ở khu vực nông thôn, người dân vẫn sử dụng nước giếng khoan, giếng đào đối với các khu vực xa nguồn nước mặt hoặc nước thủy cục chưa đảm bảo, hoặc để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Đây là thông tin hết sức có giá trị đối với các cơ quan quản lý trong vấn đề kiểm soát việc thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất, việc giám sát chất lượng nước dưới đất để đảm bảo sức khỏe cho người sử dụng.

5. Ông/bà có từng biết đến các thông tin về tài nguyên nước sau đây ?

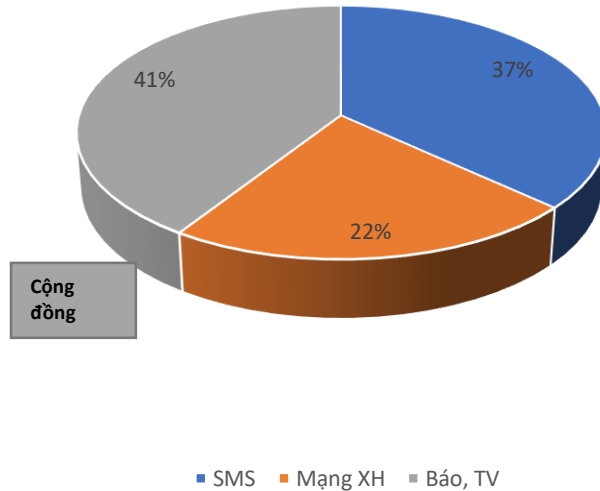


- Các nguồn cấp nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
- Danh mục các ao, hồ không được san lấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
- Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực cấp nước sinh hoạt trên các sông/suối là nguồn cấp nước của các Nhà máy nước
- Hành lang bảo vệ nguồn nước

Nhận xét: Thông tin nhận được sự quan tâm nhiều nhất đó chính là các nguồn cấp nước sinh hoạt, tiếp sau đó là danh mục các ao, hồ không được san lấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Kết quả khảo sát ở nhóm cộng đồng dân cư và cán bộ quản lý là khá tương đồng.

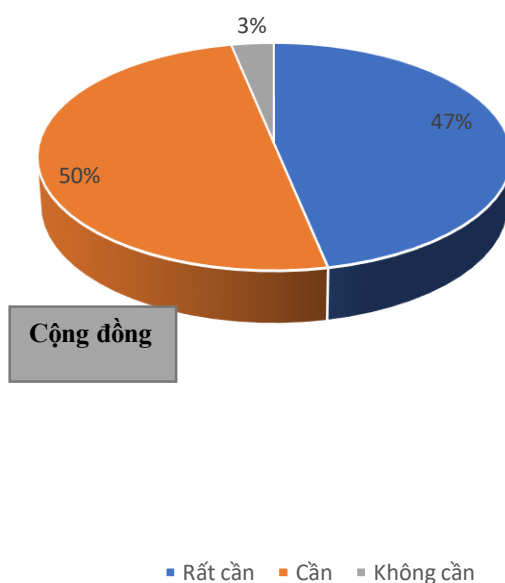
Với câu hỏi và trả lời tại nội dung này cho thấy mỗi quan tâm lớn nhất của người dân hiện là bảo đảm vấn đề cấp nước sinh hoạt. Do Đà Nẵng là địa phương thường xuyên đối mặt với xâm nhập mặn trong mùa cạn, một số đợt nắng nóng đã dẫn đến thiếu nước sinh hoạt tại một số khu vực trên địa bàn thành phố., gây bức xúc trong nhân dân.

6. Các thông tin về tài nguyên nước nên được gửi đến người dân qua kênh nào là thuận lợi nhất ?



Nhận xét: Do đối tượng được hỏi đa dạng về tuổi, có nhóm ở khu vực đô thị, có nhóm ở khu vực nông thôn nên nhu cầu nhận thông tin cũng theo nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với từng lứa tuổi khác nhau. Điều này cho thấy việc duy trì đa dạng hóa các kênh thông tin đến người dân là cần thiết.

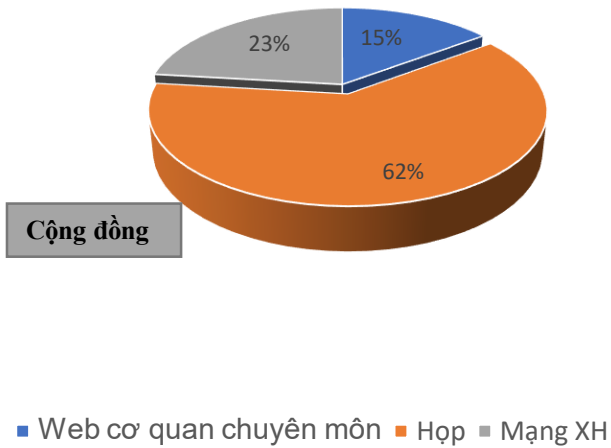
7. Việc mời đại diện cộng đồng dân cư làm thành viên Hội đồng thẩm định đối với các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân có cần thiết ?



Nhận xét: 97% số người được hỏi cho rằng việc mời đại diện cộng đồng dân cư làm thành viên Hội đồng thẩm định đối với các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân là cần và rất cần, điều này cho thấy:

- Việc tiếp cận thông tin, giám sát, phản biện để bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ cuộc sống của mỗi cá nhân, của cộng đồng là nhu cầu chính đáng.
- Các ý kiến, đóng góp của cộng đồng dân cư sẽ góp phần ngăn chặn các dự án có tác động xấu đến sản xuất, đời sống của nhân dân.

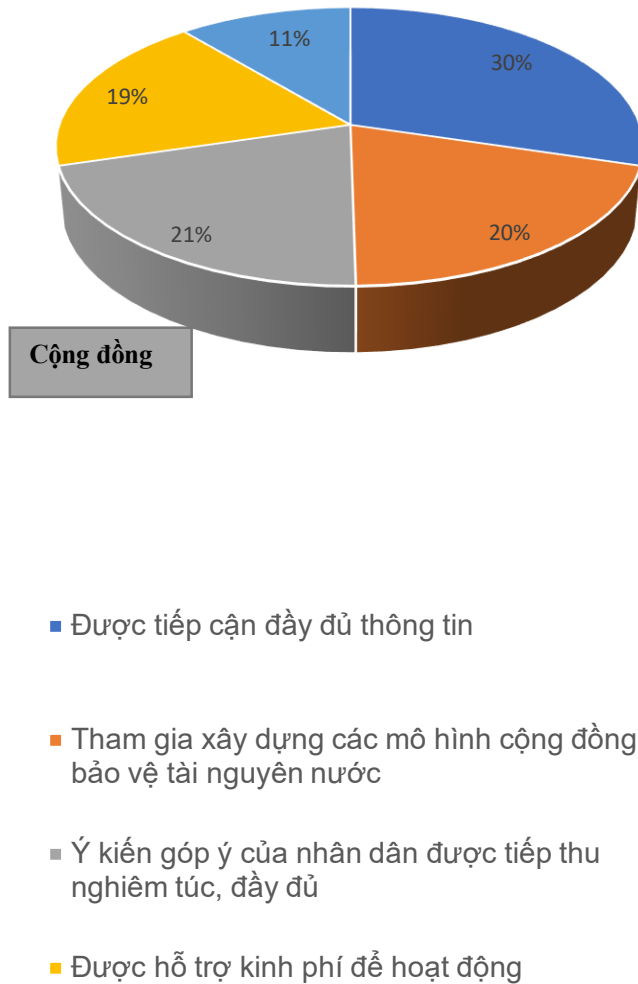
8. Việc công khai thông tin về những nội dung liên quan đến các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân nên theo hình thức nào để phát huy hiệu quả tốt nhất ?



Nhận xét: Đáp án được lựa chọn nhiều nhất cho câu hỏi này chiếm tỷ lệ 62% cho thấy web cơ quan chuyên môn được người dân đánh giá là địa chỉ tin cậy để người dân tiếp cận các thông tin theo quy định phải được cơ quan nhà nước công khai.

Họp và mạng xã hội cũng được người dân lựa chọn cho thấy việc duy trì đa dạng hóa các kênh thông tin đến người dân là cần thiết để đạt hiệu quả cao nhất.

9. Các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư cần được tạo điều kiện gì để tham gia hiệu quả công tác bảo vệ tài nguyên nước ?



Nhận xét: Kết quả khảo sát cho thấy để thúc đẩy sự tham gia hiệu quả của cộng đồng dân cư vào công tác bảo vệ tài nguyên nước, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó:

- Cần đảm bảo quyền được tiếp cận thông tin TNN một cách đầy đủ;
- Cần xây dựng các mô hình cộng đồng bảo vệ tài nguyên nước;
- Việc tiếp thu ý kiến của người dân phải thực chất, có trách nhiệm;
- Kinh phí hoạt động bảo vệ tài nguyên nước.

Nhận định chung:

*** Tóm tắt kết quả khảo sát đối với cán bộ quản lý cấp huyện, cấp xã cho thấy:**

- Việc thực thi các nội dung quy định của Luật Tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng khá tốt. Trong đó, nổi bật là công tác khắc phục, hạn chế ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước. Trong thời gian qua, thành phố cũng thực hiện khá tốt chương trình hợp tác với tỉnh Quảng Nam trong vấn đề quản lý tổng hợp tài nguyên nước, để đảm bảo sử dụng nước hiệu quả, tiết kiệm, ứng phó với xâm nhập mặn, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước trong mùa cạn. Điều này khá phù hợp với thực tế. Các nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên nước gắn với bảo

vệ, phát triển rừng và tái tạo tài nguyên nước, hệ sinh thái thủy sinh và lấy phòng ngừa là chính cần được tập trung đẩy mạnh trong thời gian đến. Quá trình thực hiện các nội dung này cũng cần phải làm tốt công tác truyền thông để lan toả các kết quả thực hiện, huy động, gắn kết sự chung tay của các bên liên quan.

- Tuy nhiên, việc phổ biến, tuyên truyền Luật TNN và các văn bản hướng dẫn thi hành đến cộng đồng dân cư còn khá hạn chế. 47% số người được hỏi đánh giá việc công khai thông tin đối với các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân thực hiện chưa đầy đủ. Tại Luật TNN 2012 và Nghị định số 201/2013/NĐ-CP (đã hết hiệu lực) chưa quy định những nội dung cụ thể nào liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước của dự án và những ảnh hưởng có thể gây ra trước khi triển khai thực hiện phải công khai, công bố; cũng như chưa quy định về hình thức công khai nên cũng là khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, cán bộ quản lý đề xuất cần công khai thông tin qua mạng xã hội để phù hợp với thói quen tiếp cận thông tin của người dân, đặc biệt là những người trẻ trong giai đoạn hiện nay. Khảo sát cho thấy rằng Luật Tài nguyên nước sửa đổi nên bao gồm các cơ chế để đảm bảo tính minh bạch và dễ dàng truy cập thông tin cho công dân.

- Các ý kiến cũng cho rằng việc công khai thông tin đến cấp huyện và xã chưa hiệu quả. Thông tin về nguồn nước uống được xem là khía cạnh quản lý tài nguyên thiên nhiên quan trọng nhất, nhưng vẫn còn thiếu thông tin liên tục và kịp thời về chất lượng nước, điều quan trọng cho sức khỏe của người dân.

- Tại Luật TNN 2012 và Nghị định số 201/2013/NĐ-CP (đã hết hiệu lực) chưa quy định những nội dung cụ thể liên quan đến phương thức thực hiện quyền giám sát, đề xuất các biện pháp thực hiện quy hoạch tài nguyên nước của cộng đồng dân cư.

- 97% số cán bộ được hỏi cho rằng việc mời đại diện cộng đồng dân cư làm thành viên Hội đồng thẩm định đối với các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân là cần và rất cần. Các ý kiến, đóng góp của cộng đồng dân cư sẽ góp phần ngăn chặn các dự án có tác động xấu đến sản xuất, đời sống của nhân dân. Điều này cũng cho chúng ta thấy cán bộ địa phương rất sẵn sàng cho vấn đề đối diện với các ý kiến phản biện của nhân dân, để có thể ra các quyết định đúng đắn khi xem xét toàn diện các vấn đề (tích cực lẫn tiêu cực) trong quá trình thẩm định, phê duyệt các dự án về tài nguyên nước.

*** Tóm tắt kết quả khảo sát đối với đại diện cộng đồng dân cư cho thấy:**

- Kết quả khảo sát cho thấy 76% số người được hỏi chưa từng tìm hiểu Luật Tài nguyên nước và các quy định hiện hành về vai trò, trách nhiệm của cộng đồng, cho thấy mức độ nhận thức của cấp cơ sở còn hạn chế.

- 51% số người được hỏi cho rằng trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước thuộc về chính phủ và các chủ dự án, cho thấy công tác truyền thông đến cộng đồng chưa hiệu quả. Cuộc khảo sát nhấn mạnh sự cần thiết phải thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương trong việc bảo vệ tài nguyên nước và cung cấp cho họ những thông tin cần thiết.

- Chỉ có 13% số người được hỏi đã tham gia giám sát chất lượng nước và đưa ra khuyến nghị với chính quyền địa phương, có thể do tính minh bạch của thông tin tài nguyên nước hiện nay còn hạn chế.

- Kết quả khảo sát cũng cho chúng ta thấy, việc công khai, minh bạch thông tin về tài nguyên nước, đặc biệt là các thông tin về quy hoạch tài nguyên nước, các nguồn xả thải, chất lượng nước sẽ thúc đẩy mạnh mẽ sự tham gia của toàn xã hội, cộng đồng dân cư trong bảo vệ nguồn nước. Đặc biệt, đối với nhóm cộng đồng dân cư ven nguồn nước, đặc biệt là ở các nguồn nước được quy hoạch, được lựa chọn là nguồn lấy nước sinh hoạt, việc công khai đầy đủ thông tin về chất lượng nước sẽ thúc đẩy mạnh mẽ sự tham gia của cộng đồng dân cư trong bảo vệ tài nguyên nước.

- Bức tranh khảo sát sơ bộ cho chúng ta thấy, nguồn lực cộng đồng dân cư chưa được huy động hiệu quả vào công tác bảo vệ tài nguyên nước. Người dân chỉ mới tham gia vào các hoạt động đơn giản như vớt rác trên sông, suối, nạo vét, khơi thông cống rãnh. Trong khi đó, các hoạt động bảo vệ nguồn sinh thủy gắn với bảo vệ rừng, bảo tồn nguồn nước gắn với sinh kế cộng đồng, bảo vệ đa dạng sinh học, quản lý tổng hợp tài nguyên nước chưa có những quy định hiệu quả để thúc đẩy mạnh mẽ sự tham gia của cộng đồng dân cư.

- Khảo sát cũng cho thấy người dân nông thôn vẫn dựa vào nguồn nước giếng khoan và mối quan tâm lớn nhất là đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt, đặc biệt là ở những khu vực dễ bị xâm nhập mặn, xa nguồn nước mặt, chưa có nước thủy cục.

- Cuộc khảo sát nhấn mạnh sự cần thiết của các nguồn thông tin đa dạng để đáp ứng nhu cầu của các nhóm tuổi khác nhau và 50% số người được hỏi tin rằng các thành viên cộng đồng nên là thành viên của Hội đồng thẩm định tài nguyên nước đối với các dự án có tác động đáng kể. Trang thông tin điện tử của các cơ quan chuyên ngành vẫn được coi là nguồn thông tin đáng tin cậy.

Tóm lại: Cộng đồng cơ sở có mức nhận thức hạn chế về Luật Tài nguyên nước và các quy định hiện hành liên quan đến vai trò và trách nhiệm của cộng đồng trong bảo vệ tài nguyên nước, và sự giao tiếp không hiệu quả giữa chính phủ/chủ đầu tư và cộng đồng liên quan đến trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước. Khảo sát nhấn mạnh tầm quan trọng của việc liên kết cộng đồng địa phương trong việc bảo vệ tài nguyên nước, cung cấp thông tin cần thiết cho cộng đồng và tăng tính minh bạch của thông tin tài nguyên nước hiện tại. Ngoài ra, khảo sát còn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đảm bảo nguồn nước sinh hoạt đủ cho các khu vực chưa được cấp nước đảm bảo và nhu cầu của nguồn thông tin đa dạng để đáp ứng nhu cầu của các nhóm tuổi khác nhau.

2. Hiện trạng thực thi tại thành phố Đà Nẵng đối với nhóm chính sách về phát huy vai trò, trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong bảo vệ tài nguyên nước được quy định tại Luật Tài nguyên nước 2012 và các quy định hiện hành có liên quan

10 năm qua Đà Nẵng đã huy động tốt sự tham gia tích cực, trách nhiệm, nhiệt huyết của cộng đồng để thực hiện thành công Đề án Xây dựng Đà Nẵng - Thành phố môi trường, trong đó tài nguyên nước là một trong những nội hàm của Đề án nêu trên. Nhiều mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước đã được hình thành tại các xã, phường, thôn, tổ trên địa bàn thành phố. Điểm đặc biệt ở thành phố Đà Nẵng, các mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ tài nguyên môi trường còn được hiểu theo ý nghĩa cộng đồng trách nhiệm, gắn kết sự tham gia của các bên liên quan bao gồm cộng đồng dân cư bản địa, các nhà khoa học, cán bộ, doanh nghiệp cùng chung tay hành động.

Trong việc huy động cộng đồng dân cư bảo vệ tài nguyên nước, Đà Nẵng đã lựa chọn, ưu tiên xây dựng các mô hình cộng đồng dân cư bảo vệ tài nguyên nước trên các đoạn sông có chức năng cấp nước sinh hoạt.

Đà Nẵng đã lập bản đồ xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực cấp nước sinh hoạt của công trình khai thác nước mặt trên sông, suối là nguồn cấp nước sinh hoạt. Theo đó, trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực cấp nước sinh hoạt, các tổ chức, cá nhân khi thực hiện các hoạt động có ảnh hưởng đến chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường và thực hiện các quy định nghiêm ngặt về bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ an toàn hồ chứa nước và các quy khác có liên quan. Đặc biệt, đối với cơ sở đang hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước phải có giải pháp để khắc phục hoặc sẽ bị chấm dứt hoạt động để đảm bảo ưu tiên cao nhất cho vấn đề bảo vệ an toàn, an ninh nguồn nước.

Tại khu dân cư, chính quyền địa phương xúc tiến thành lập nhóm cộng đồng dân cư bảo vệ nguồn nước sông, huy động đông đảo các thành phần tham gia.

Sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ tài nguyên nước còn thể hiện ở việc huy động các sáng kiến của cộng đồng để cải thiện ô nhiễm do rác thải trên sông, suối thông qua phong trào ngày chủ nhật xanh sạch đẹp.

Ngoài ra, Đà Nẵng còn huy động các ý kiến đóng góp, phản biện của người dân thông qua việc công khai các thông tin liên quan đến tài nguyên nước.

3. Hiện trạng về công khai thông tin, cơ sở dữ liệu về bảo vệ tài nguyên nước

3.1. Tại Việt Nam

Tại Việt Nam, Ngân hàng Thế giới lưu ý rằng việc xây dựng, hoàn thiện và chia sẻ cơ sở dữ liệu về nước là một thách thức lớn đối với quản lý tổng hợp tài nguyên nước ở Việt Nam⁶. Hầu như tất cả các quy hoạch về tài nguyên nước lẫn quy hoạch có liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước đều gặp khó khăn do thiếu thông tin, dữ liệu đáng tin cậy và vẫn có sự “miễn cưỡng rộng rãi” giữa các cơ quan nhà nước trong việc chia sẻ dữ liệu họ có.⁷

Luật Tài nguyên nước 2012 không có điều khoản riêng quy định tập trung, rõ ràng, cụ thể về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước, ngoại trừ một số quy định có liên quan như Lưu trữ, sử dụng thông tin về tài nguyên nước (Điều 8); Quan trắc, giám sát tài nguyên nước (Điều 28); Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp tỉnh trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin tài nguyên nước, quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước (Điều 70, 71).

Thực tế hiện nay Bộ TNMT và UBND tỉnh không phải là cơ quan nhà nước duy nhất thu thập dữ liệu liên quan đến tài nguyên nước; các bộ, ngành có liên quan cũng thực hiện các nhiệm vụ điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát liên quan đến nguồn nước theo chức năng, nhiệm vụ của mình và các tổ chức, cá nhân trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước cũng tạo lập nên các bộ số liệu quan trắc, giám sát của mình. Tuy nhiên, với các điều khoản quy định hiện hành, Luật Tài nguyên nước 2012 i) chưa hướng đến việc quy định một hệ

⁶ Báo cáo Quản trị nước, Ngân hàng Thế giới, 2019

⁷ Báo cáo Quản trị nước, Ngân hàng Thế giới, 2019

thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, có sự kết nối giữa các cấp Trung ương và địa phương; ii) không cung cấp một cơ chế rõ ràng để yêu cầu các bộ, ngành khác thu thập dữ liệu và nhanh chóng truyền dữ liệu đó cho Bộ TNMT; ii) chưa quy định cơ chế pháp lý rõ ràng cho việc khai thác, sử dụng cũng như cập nhật thông tin, cơ sở dữ liệu từ các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Liên hệ với pháp luật về minh bạch, công khai thông tin bảo vệ tài nguyên nước tại một số quốc gia khác, có thể thấy các quốc gia hiện nay rất chú trọng đến việc vận hành hệ thống, xây dựng cơ sở dữ liệu trong bảo vệ tài nguyên nước.

Tại Úc, thông tin về khai thác, sử dụng nước là nền tảng của an ninh nguồn nước. Luật của quốc gia và các bang của Úc đều cung cấp thông tin về tài nguyên nước để xây dựng và đảm bảo các Quy hoạch cấp nước và quyết định cấp phép dựa trên những thông tin sẵn có. Các quy định của pháp luật về thông tin tài nguyên nước bao gồm:

- Chứng nhận đăng ký công khai về quyền cấp nước của từng cá nhân;
- Yêu cầu quan trắc sử dụng nước;
- Tài khoản khai thác, sử dụng nước công khai về việc sử dụng nước;
- Yêu cầu chia sẻ thông tin về tài nguyên nước và thực hiện tham vấn giữa các cơ quan chính phủ;
- Quy hoạch có tính khoa học về cách sử dụng dòng chảy môi trường; và
- Các yêu cầu về trách nhiệm giải trình, báo cáo về cách sử dụng dòng chảy môi trường và liệu các mục tiêu có được đáp ứng hay không.

Tại Hàn Quốc, hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia Hàn Quốc áp dụng công nghệ vệ tinh tiên tiến kết hợp với trình độ khoa học kỹ thuật hiện đại. Hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia do Chính phủ quản lý, cho phép chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý trong lĩnh vực tài nguyên nước, giữa các quốc gia cùng là thành viên của các Điều ước, cam kết quốc tế. Hệ thống quản lý đa dạng các đối tượng: hồ điều tiết, đập, mực nước, xả nước, các khu đô thị, công trình trên sông, thiên tai, môi trường hệ sinh thái... Sử dụng

công nghệ vệ tinh, hệ thống này có khả năng dự báo các thảm họa về nước, chất lượng nước và hỗ trợ vận hành các đô thị lớn⁸.

3.2. Tại thành phố Đà Nẵng

Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, việc minh bạch, công khai thông tin bảo đảm quyền về tiếp cận thông tin và phục vụ mục tiêu giám sát của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên nước cũng được thực hiện rất tốt, đảm bảo theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Ngoài ra, kết quả các đề án, đề tài nghiên cứu về tài nguyên nước cũng được công bố, công khai đến các tổ chức, cá nhân và website của cơ quan chuyên ngành, đã góp phần đắc lực cho việc nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý tài nguyên nước thông qua cơ chế phản biện đa chiều, công khai, minh bạch thông tin.

Các thông tin bắt buộc phải minh bạch, công khai theo quy định của Luật Tài nguyên nước 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành đều được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, cụ thể:

- Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;
- Các khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất và danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;
- Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình đã được cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt phục vụ mục đích cấp nước sinh hoạt trên địa bàn
 - Phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;
 - Đề án “Tài nguyên nước mặt thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” tại Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 01/3/2019;
 - Đề án “Điều tra, đánh giá mực nước dưới đất, khoanh định khu vực phải đăng ký công trình khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”;
 - Các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định.

⁸ Bộ Tài nguyên và Môi trường (2013), Báo cáo kinh nghiệm quốc tế trong quản lý tài nguyên nước phục vụ xây dựng dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)

4. Tổ chức lưu vực sông và quản lý tổng hợp lưu vực sông

4.1. Đánh giá ban đầu

Qua 5 năm thử nghiệm mô hình Ban điều phối lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên nhiều khía cạnh:

Thứ nhất, tăng cường công tác phối hợp, gắn kết chặt chẽ giữa các bên liên quan đến khai thác, sử dụng, quản lý và bảo vệ tài nguyên nước trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng, các nhà khoa học, các cơ quan báo đài, người dân và các tổ chức, cá nhân quan tâm. Qua đó, giảm đáng kể các căng thẳng, tranh chấp về tài nguyên nước trên lưu vực, thúc đẩy hợp tác để cùng khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên lưu vực hiệu quả, tiết kiệm, đa mục tiêu, hài hòa lợi ích giữa các bên, đảm bảo cấp nước an toàn đến cuối mùa cạn và hạn chế thấp nhất các tác hại do nước gây ra.

Thứ hai, giám sát chặt chẽ việc vận hành của các nhà máy thủy điện trên thượng nguồn sông Vu Gia - Thu Bồn và phối kết hợp điều hành xả nước trong các tình huống bất thường để đảm bảo cấp nước an toàn cho vùng hạ du, hạn chế tác hại do lũ gây ra;

Thứ ba, nghiên cứu, đồng kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường (cơ quan tham mưu) sửa đổi Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn tại Quyết định số 1537/QĐ-TTg ngày 07/9/2015 để ngày càng phù hợp với tình hình thực tế, khắc phục các tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Thứ tư, chia sẻ nguồn nước thông qua việc hai địa phương thống nhất đắp đập tạm tại ngã ba sông Quảng Huế (thuộc địa bàn tỉnh Quảng Nam) để tăng cường nguồn nước về hạ du sông Vu Gia, góp phần đẩy mặn tại sông Cầu Đỏ và đảm bảo an ninh nguồn nước cho vùng hạ du sông Vu Gia, trong đó có thành phố Đà Nẵng.



Hình 5 Vị trí đắp đập tạm trên sông Quảng Huế

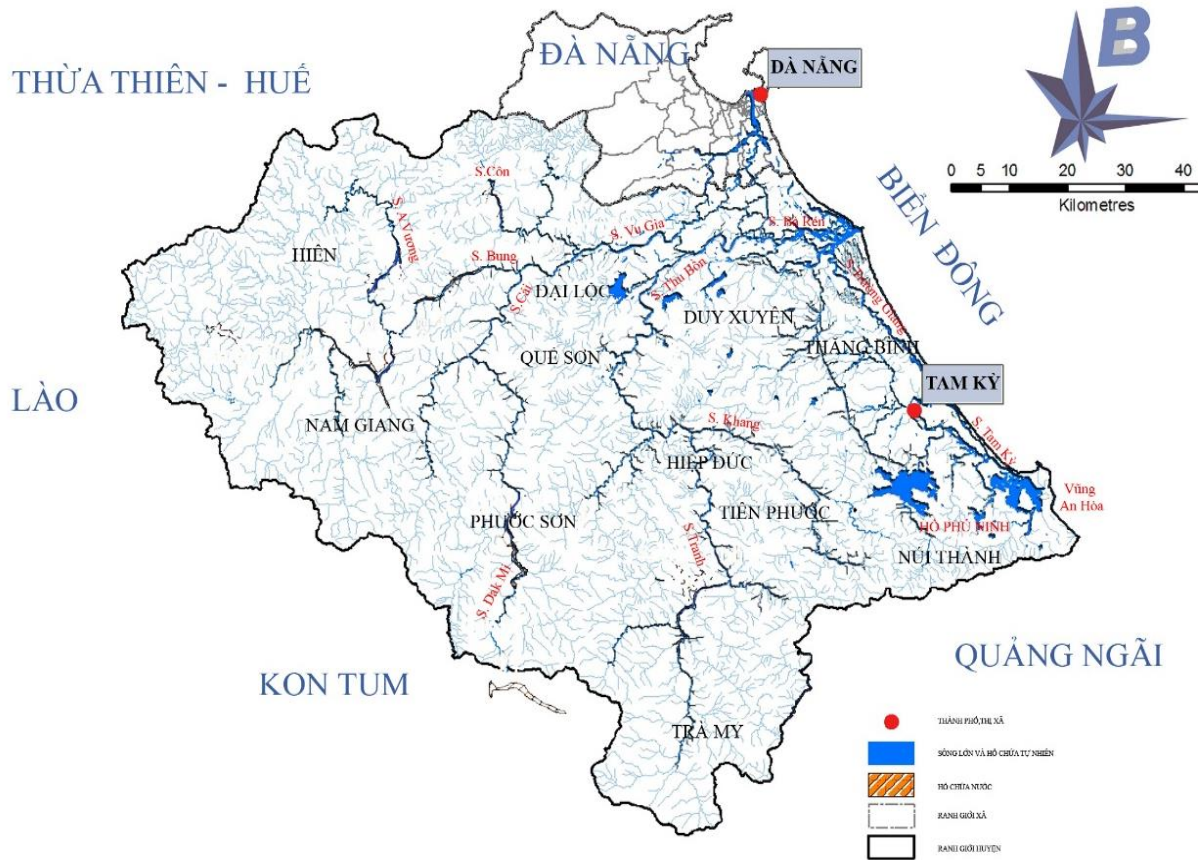
Đồng thời, thông qua kiến nghị của Ban điều phối, hai địa phương cũng đã đồng kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì việc nghiên cứu, chỉnh trị đoạn sông Quảng Huế để điều hòa, phân phối lại dòng chảy trên sông Vu Gia.

Thứ năm, phối hợp bảo vệ tài nguyên nước trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn

Trên cơ sở nội dung hợp tác giữa hai địa phương, các quy định hiện hành và yêu cầu bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt cho nhân dân vùng hạ du, thông qua hoạt động của Ban điều phối, UBND thành phố Đà Nẵng đã có ý kiến đối với UBND tỉnh Quảng Nam đề nghị chia sẻ các thông tin và phản biện đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước vùng hạ du để có phương án ứng phó, ngăn chặn, giảm thiểu ô nhiễm.

Đồng thời, hai địa phương cũng đã đầu tư hai trạm quan trắc môi trường nước tự động, liên tục trên lưu vực sông Vu Gia. Kết quả quan trắc môi trường sẽ góp phần quan trọng trong công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên nước. Các trạm quan trắc môi trường nước tự động liên tục trên LVS Vu Gia - Thu Bồn sẽ góp phần quan trọng trong việc quan trắc, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường, bảo đảm cung cấp số liệu tin cậy, làm cơ sở cho việc phát hiện và cảnh báo sớm và có các chính sách phù hợp đối với các vấn đề sụt giảm nguồn nước ở hạ lưu, ô nhiễm môi trường, xâm nhập mặn và vận hành của các nhà máy thủy điện...

- Xây dựng bản đồ các nguồn xả thải chính trên lưu vực sông Vu Gia để định vị các nguồn xả thải lớn, có nguy cơ để phối hợp kiểm soát hiệu quả các hoạt động xả thải trên lưu vực.



Hình 6. Lưu vực hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn

Thứ sáu, nâng cao năng lực về chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý tài nguyên nước, đặc biệt trong công tác quản lý, tham mưu cho lãnh đạo địa phương về:

- Quy hoạch nguồn tài nguyên nước đảm bảo cho sự phát triển của địa phương trong tương lai, có xem xét kỹ lưỡng và tính toán đến tác động của biến đổi khí hậu (dẫn đến hạn hán, xâm nhập mặn, lũ lụt ngày càng khó lường và khốc liệt hơn). Đặc biệt, có xem xét, tính toán và đề xuất phương án giảm thiểu tác động tiêu cực đến nguồn tài nguyên nước thông qua phát triển nguồn nước trên các sông nội tỉnh và bảo vệ nghiêm ngặt nguồn sinh thủy và nguồn nước khai thác để phục vụ cấp nước sinh hoạt.

- Lập kế hoạch ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn để đảm bảo cấp nước an toàn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Vận hành hồ chứa thủy điện theo thời gian thực (Đà Nẵng là địa phương không có hồ chứa thủy điện, tuy nhiên, thông qua hoạt động của Ban điều phối đã cung cấp, bổ cập kiến thức, tăng cường năng lực và kiến thức, kinh nghiệm để tham mưu tốt cho lãnh đạo thành phố trong việc điều hành xả nước từ các hồ chứa thủy điện, đảm bảo cấp nước an toàn cho thành phố Đà Nẵng để ứng phó với hạn hán, xâm nhập ở vùng hạ du).



Hình 7. Tập huấn nâng cao năng lực về quản lý tài nguyên nước lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và khảo sát thực địa tại Nhà máy thủy điện Sông Bung 6, đập tam Quảng Huế cho tổ công tác Ban điều phối và các bên liên quan

Thứ bảy, làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về phòng chống thiên tai (hạn hán, lũ lụt), giải thích công khai Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn trên các phương tiện thông tin đại chúng để

nhân dân hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của các hồ chứa thủy điện trên lưu vực nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước

Giải Báo chí toàn quốc về PCTT lần thứ hai (Giải báo chí) với chủ đề "Vì một xã hội an toàn trước thiên tai - Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu" đã được phát động vào ngày 13-10-2020, nhân kỷ niệm Ngày Quốc tế giảm nhẹ rủi ro thiên tai và ngày ASEAN về quản lý thiên tai tiếp nối thành công của giải lần thứ nhất với sự tham gia tích cực của các cơ quan thông tấn báo chí và đội ngũ các nhà báo, phóng viên, biên tập viên từ các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương. Ngày 26-5, tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam, Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP) phối hợp tổ chức trao Giải báo chí toàn quốc về phòng, chống thiên tai lần thứ 2 với chủ đề "Vì một xã hội an toàn trước thiên tai - Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu".

Theo đó, 02 /04 tác phẩm đạt giải Nhất đã được trao cho Báo Quảng Nam và Đà Nẵng gồm: "Miền Trung làm gì để ứng phó thiên tai?" của nhóm tác giả Hứa Văn Hải và Lê Hoàng Hiệp thuộc Báo Đà Nẵng; " Gian nan tái thiết vùng cao" của Alăng Ngược, Nguyễn Mạnh Thành Công, Trần Hữu Phúc thuộc Báo Quảng Nam;

Các tác phẩm dự thi lần này phản ánh chân thực, góc nhìn trực quan về hiện trạng, tác động, diễn biến của thiên tai cũng như sự tham gia của cộng đồng; làm rõ, giúp nhận dạng những hạn chế, thách thức trong công tác phòng, chống thiên tai. Không những vậy, các tác phẩm dự thi còn giúp gợi mở, đề xuất các giải pháp, biện pháp mới để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai cho các cơ quan chuyên trách tại Trung ương và địa phương".

Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Ngày 09/6/2022, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố Đà Nẵng đã tổ chức Trao giải Cuộc thi Viết về gương người tốt, việc tốt lần thứ 4 năm 2022. Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố Đà Nẵng đã khen thưởng 31 tác phẩm xuất sắc, bao gồm 5 giải nhất, 5 giải nhì, 5 giải ba và 16 giải khuyến khích. Trong đó, ở thể loại bài

viết, video không chuyên, đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng đã đạt giải nhất với tác phẩm "Chuyện người Đà Nẵng giữ nước trên dòng Vu Gia", một tác phẩm viết về đề tài bảo vệ nguồn nước trên lưu vực sông Vu Gia, với những trang viết mô tả hết sức chân thực về hành trình giữ nước trên dòng Vu Gia của nhân vật Huỳnh Vạn Thắng.

- Gắn lý thuyết với thực tiễn sinh động thông qua việc truyền đạt và học hỏi kinh nghiệm thực tiễn quý báu từ thế hệ đi trước trong lĩnh vực trị thủy.

Thứ tám, áp dụng hiệu quả các nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn về tài nguyên nước trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, đã góp phần quan trọng trong việc giảm nhẹ các tác hại do nước gây ra ở vùng hạ du.

Các kết quả nghiên cứu về tài nguyên nước trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn (đặc biệt là các nghiên cứu của TS. Lê Hùng và TS. Tô Thúy Nga - Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng) đã giúp các cơ quan chuyên môn và người ra quyết định có những tham mưu, quyết định sớm, chuẩn xác, kịp thời trong việc ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn và giảm nhẹ thiên tai vùng hạ du do lũ lụt, vận hành hồ chứa thủy điện.

Các đề tài nghiên cứu nổi bật đã ứng dụng thành công vào thực tiễn có thể kể đến là:

- Đề tài “Nghiên cứu ảnh hưởng của việc vận hành các công trình thủy điện ở thượng nguồn đến việc cấp nước của nhà máy nước Cầu Đỏ trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phát triển kinh tế xã hội của thành phố Đà Nẵng - Đề xuất các giải pháp phù hợp”. Với Đề tài nghiên cứu cấp thành phố này, TS. Lê Hùng, chủ nhiệm đề tài đã đạt giải 3 Giải thưởng sáng tạo KH-CN Việt Nam do Quỹ Hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật Việt Nam (VIFOTEC) trao tặng.

- Đề tài “Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của các công trình cầu, đường giao thông đến tình hình ngập lụt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”. Chủ nhiệm đề tài là TS. Tô Thúy Nga - Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng và ThS. Hoàng Thanh Hòa - Phó giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn TP. Đà Nẵng.

Thứ chín, huy động tốt các nguồn tài trợ quốc tế về kỹ thuật và tài chính để thúc đẩy các hoạt động của Ban điều phối.

II. CÁC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH THỰC THI CÁC NHÓM CHÍNH SÁCH NGHIÊN CỨU TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1. Trách nhiệm, vai trò của cộng đồng dân cư trong bảo vệ tài nguyên nước

Thứ nhất, do hạn chế về tiếp cận các thông tin liên quan nên cộng đồng dân cư chỉ tham gia vào việc bảo vệ tài nguyên nước bằng các hoạt động đơn giản như: Nạo vét, khơi thông cống rãnh; vớt rác trên sông, suối; phát hiện, cung cấp thông tin cảnh báo với chính quyền địa phương các nguy cơ gây ô nhiễm, các nguồn xả thải gây ô nhiễm nước và vận động người thân, các tổ chức, cá nhân cùng tham gia các hoạt động bảo vệ nguồn nước.

Thứ hai, hạn chế về năng lực, trình độ, nhận thức và kỹ thuật là rào cản khiến cho cộng đồng dân cư chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của cộng đồng đối với sứ mệnh bảo vệ nguồn nước thông qua việc:

- Giám sát chất lượng nguồn nước tại các sông/suối trên địa bàn và kiến nghị, cảnh báo với chính quyền địa phương các nguy cơ gây ô nhiễm;
- Phản biện, có ý kiến đối với các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của cộng đồng dân cư; các dự án vi phạm các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực cấp nước sinh hoạt; san lấp ao, hồ, đâm phá và các công trình làm cản trở sự lưu thông của dòng chảy;

Thứ ba, việc cộng đồng dân cư chủ động ứng phó với thiên tai, thảm họa liên quan đến nước như hạn hán, lũ lụt, mưa lớn chưa được phát huy.

Thứ tư, do chưa được Luật hoá nên vai trò của chính quyền địa phương hết sức mờ nhạt trong việc phát huy, thúc đẩy các sáng kiến, nỗ lực của cộng đồng trong việc xây dựng và duy trì các mô hình cộng đồng bảo vệ tài nguyên nước.

Thứ năm, vai trò và trách nhiệm của cộng đồng bản địa, đặc biệt đối với cộng đồng dân tộc ít người ở các khu vực rừng đầu nguồn, vùng núi cao, hải đảo, biên giới trong việc bảo tồn nguồn nước chưa được chú trọng.

2. Minh bạch, công khai thông tin bảo đảm quyền về tiếp cận thông tin và phục vụ mục tiêu giám sát của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên nước

Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, việc minh bạch, công khai thông tin bảo đảm quyền về tiếp cận thông tin và phục vụ mục tiêu giám sát của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên nước cũng được thực hiện rất tốt. Các thông tin bắt buộc phải minh bạch, công khai theo quy định của Luật Tài nguyên nước 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành đều được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ.

3. Tổ chức lưu vực sông và quản lý tổng hợp lưu vực sông

Mặc dù đạt được những kết quả, thành công ấn tượng trong quá trình thử nghiệm mô hình Ban điều phối lưu vực sông liên tỉnh. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động thử nghiệm của Ban điều phối đã xuất hiện các khó khăn, vướng mắc sau đây:

- Việc chưa có quy định về tổ chức và hoạt động của Ban điều phối đã dẫn đến việc thiếu cơ sở pháp lý để duy trì, mở rộng hoạt động của Ban điều phối nhằm giải quyết các vấn đề về quản lý tổng hợp tài nguyên nước trên toàn lưu vực;

- Do chưa có quy định về tổ chức hoạt động của Ban điều phối nên thành viên Ban điều phối chưa đảm bảo cơ cấu theo yêu cầu thực tế, chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan nhằm kiến nghị tốt việc điều hòa, phân phối nguồn nước, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông. Một trong những bên quan trọng cần tham gia vào Ban điều phối là các tổ chức khai thác, sử dụng tài nguyên nước, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, đại diện các Bộ ngành quan trọng như: Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chưa có mặt trong thành viên Ban điều phối.

- Thiếu cơ chế để huy động các nguồn tài chính hợp pháp cho hoạt động của Ban điều phối lưu vực sông;

- Việc công khai thông tin vận hành của các hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn còn hạn chế nên công tác giám sát, khai thác, sử dụng tài nguyên nước còn lãng phí, chưa hiệu quả.

- Thiếu hoặc chậm ban hành, rà soát, bổ sung, hoàn thiện các văn bản là căn cứ pháp lý cho hoạt động của Ban điều phối, cụ thể:

+ Nghị định Chính phủ quy định về tổ chức lưu vực sông;

+ Thỏa thuận tăng cường phối hợp giữa hai địa phương về quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng giai đoạn tiếp theo;

+ Kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng giai đoạn tiếp theo, có phân công trách nhiệm cụ thể cho các bên liên quan và tiến độ thực hiện, hoàn thành theo yêu cầu của công tác phối hợp.

- Hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước vùng hạ du có liên quan mật thiết đến việc vận hành của các Nhà máy thủy điện trên lưu vực. Tuy nhiên, chưa có cơ chế huy động kinh phí đóng góp của chủ các nhà máy thủy điện, cũng như việc thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với người dân vùng hạ du thông qua việc tự nguyện đóng góp kinh phí để địa phương đầu tư các công trình ngăn mặn giữ ngọt, ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn, lũ lụt...

CHƯƠNG III

KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Báo cáo “Đóng góp xây dựng Luật Tài nguyên nước sửa đổi từ thực tiễn thực thi luật tài nguyên nước tại thành phố Đà Nẵng” đã tổng hợp từ kết quả điều tra, khảo sát thực tế, tổng hợp tình hình thực thi cũng như các khó khăn, vướng mắc của địa phương thông qua các mô hình cụ thể. Qua đó, kiến nghị đề xuất các nội dung cụ thể đề nghị quy định bổ sung trong Luật tài nguyên nước sửa đổi như sau:

I. TRÁCH NHIỆM, VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TRONG BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Từ kinh nghiệm xây dựng và tổ chức hoạt động của các mô hình bảo vệ tài nguyên nước có sự tham gia của cộng đồng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã chứng minh được những thành công ở cấp cơ sở. Tuy nhiên, khả năng mở rộng áp dụng và duy trì sự tồn tại của các mô hình vẫn còn hạn hữu do có nhiều rào cản và khó khăn về thể chế, quản lý, tài chính và kỹ thuật trong khi thực hiện. Để thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên nước, nhóm nghiên cứu đề xuất các nội dung cần phải bổ sung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi lần này đối với các nội dung sau:

- Về việc cộng đồng dân cư có quyền thành lập các hội, nhóm, tổ cộng đồng bảo vệ tài nguyên nước, làm cơ sở và tạo điều kiện pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của các “tổ chức cộng đồng dân cư” ở cấp độ địa phương. Đây là quy định rất quan trọng nhất để cộng đồng dân cư có thể tham gia một cách hợp pháp trong quản lý tài nguyên nước.

- Về trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ, thúc đẩy các sáng kiến của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ tài nguyên nước, cũng như việc xây dựng và duy trì các mô hình cộng đồng bảo vệ tài nguyên nước;

- Về nguồn tài chính từ Ngân sách và đóng góp của cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân liên quan để thành lập và duy trì hoạt động của các mô

hình cộng đồng dân cư tham gia bảo vệ các nguồn nước có chức năng quan trọng như cấp nước sinh hoạt, bảo tồn;

- Về việc cộng đồng dân cư có vai trò và trách nhiệm trong việc thực hiện các biện pháp chủ động phòng ngừa, ứng phó với thiên tai liên quan đến nước như hạn hán, xâm nhập mặn, mưa lớn, lũ lụt.

- Những người già, phụ nữ và trẻ em trong cộng đồng phải được tham gia các hoạt động quản lý tài nguyên nước, gắn kết giữa giáo dục và thực hành. Cần giao trách nhiệm cụ thể trong việc xây dựng các chương trình truyền thông và giáo dục môi trường về bảo vệ và quản lý nguồn nước cho trẻ em và cộng đồng dân cư.

II. MINH BẠCH, CÔNG KHAI THÔNG TIN BẢO ĐẢM QUYỀN VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN VÀ PHỤC VỤ MỤC TIÊU GIÁM SÁT CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG VIỆC BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC

- Bổ sung quy định riêng về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước

Các hoạt động quản lý nhà nước nói chung và hoạt động quản lý nhà nước về tài nguyên nước nói riêng đang hướng đến xây dựng, phát triển Chính phủ số, Chính phủ điện tử. Với mục tiêu hướng tới quản trị tài nguyên nước quốc gia trên nền tảng công nghệ số, việc xem xét, bổ sung quy định riêng về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước là rất cần thiết.

- Bổ sung quy định về thông tin công khai, trách nhiệm của cơ quan nhà nước về công khai thông tin.

- Bổ sung các thông tin phải công khai liên quan đến chất lượng môi trường nước. Bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, của cơ quan nhà nước các cấp trong việc công khai thông tin môi trường nước, bảo vệ tài nguyên nước theo thẩm quyền.

- Bổ sung quy định về công khai, minh bạch thông tin là một trong các nguyên tắc trong quản lý, bảo vệ, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra tại Điều 5 dự thảo Luật sửa đổi.

- Xác định rõ nội hàm của khái niệm công khai thông tin môi trường nước:

Luật hiện hành chưa quy định rõ chủ thể nào có quyền tiếp cận thông tin môi trường nước, có thể tiếp cận trực tiếp hay bắt buộc tiếp cận gián tiếp thông qua đại diện. Bên cạnh đó, quyền tiếp cận thông tin cũng có giới hạn nhất định. Luật tiếp cận thông tin ở các quốc gia, trong đó có Việt Nam đều quy định về những thông tin, tài liệu mật liên quan đến an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, nghề nghiệp... không được công bố công khai hay không được tiếp cận. Khoản 1 Điều 2 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 quy định: “Bí mật nhà nước là thông tin có nội dung quan trọng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định căn cứ vào quy định của Luật này, chưa công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc”. Bí mật nhà nước được quy định cả thông tin về tài nguyên và môi trường, theo đó “Thông tin về tài nguyên và môi trường bao gồm tài nguyên nước, môi trường, địa chất, khoáng sản, khí tượng thủy văn, đất đai, biển, hải đảo, đo đạc và bản đồ”⁹. Tuy nhiên, do các quy định hiện hành chưa giải thích hay xác định cụ thể về tiêu chí, điều kiện của thông tin được coi là "thông tin gây nguy hại hoặc ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác", hay thông tin nào là "cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng" nên rất khó hình dung nội hàm thông tin môi trường bị hạn chế công khai.

Do đó, việc xác định những yếu tố cần thiết hoặc gây ảnh hưởng, nguy hại đều xác định trên yếu tố chủ quan. Điều này dẫn đến tâm lý e ngại cho chính cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi công khai thông tin, thậm chí đây có thể được coi là lý do để từ chối công khai thông tin. Vì vậy, để bảo đảm cho quy định về công khai thông tin môi trường nước được thực thi có hiệu quả, trước hết Nhà nước cần bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người dân, trên cơ sở giới hạn phạm vi tiếp cận thông tin của công dân. Cụ thể, Nhà nước phải rà soát và hệ thống lại các tiêu chí xác định những thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật đời tư, bí mật kinh doanh nào là những thông tin không được phép tiếp cận,

⁹ Điều 7 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018

nhằm hạn chế tối đa việc viện dẫn các lý do không chính đáng để từ chối việc cung cấp thông tin cho công dân, tổ chức. Thêm vào đó, Nhà nước cần quy định cụ thể hình thức, trình tự, thủ tục, thời hạn thực hiện quyền này nhằm đảm bảo rằng công dân được thực hiện quyền tiếp cận thông tin một cách thuận tiện, nhanh chóng và ít tốn kém nhất¹⁰.

III. TỔ CHỨC LƯU VỰC SÔNG VÀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP LƯU VỰC SÔNG

- Đề nghị bổ sung quy định về tổ chức và hoạt động của tổ chức lưu vực sông.
- Đề nghị bổ sung trách nhiệm của tổ chức lưu vực sông để đảm bảo hiệu lực, hiệu quả phối hợp giải quyết những vấn đề chung, có tính chất liên ngành, liên vùng, liên địa phương trong quản lý nhà nước về tài nguyên nước và bảo vệ môi trường lưu vực sông, cụ thể:
 - + Đề xuất, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền các biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; kiến nghị giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh;
 - + Đề xuất, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước; điều hoà, phân phối tài nguyên nước; khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống hạn hán thiếu nước, lũ lụt trên lưu vực;
- Đề nghị bổ sung quy định về việc các địa phương trên lưu vực được phép thành lập các Ban điều phối lưu vực sông với sự tham gia của các bên liên quan. Thành phần Ban điều phối cần có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan đến khai thác, sử dụng, quản lý và bảo vệ tài nguyên nước trên lưu vực sông và vùng bờ gồm:
 - + Các nhà khoa học, các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực thủy lợi – thủy điện và bảo vệ tài nguyên nước;
 - + Đại diện cộng đồng dân cư ven nguồn nước, ưu tiên cộng đồng tại các khu vực ven sông nằm trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực cấp nước sinh hoạt;

¹⁰ Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 16 (440), tháng 8 năm 2021.

+ Đại diện các tổ chức khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên lưu vực: thủy điện, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt và khai thác nước cho các mục đích khác.

+ Đại diện Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia.

+ Đại diện các cơ quan báo đài.

- Rất cần quy định nghĩa vụ đóng góp tài chính để đảm bảo cho hoạt động của tổ chức lưu vực sông từ đóng góp của ngân sách của các địa phương nằm trên lưu vực (có thể bổ sung từ nguồn tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phí xả nước thải vào nguồn nước), từ kinh phí đóng góp của các tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng tài nguyên nước trên lưu vực sông để đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, phòng chống các tác hại do nước gây ra./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Điều phối về quản lý tổng hợp về lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng (2017). Quyết định số 4828/QĐ-BĐP ngày 30/8/2017, Thành lập Tổ công tác thường trực Ban Điều phối về Quản lý tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng.
2. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban điều về Quản lý tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng giai đoạn 2020-2022. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2008), QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020). Thông tư số 04/2020/TT-BTNMT ngày 03 tháng 6 năm 2020, Quy định về kỹ thuật quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh.
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021). Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021, Quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.
5. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2013), Báo cáo kinh nghiệm quốc tế trong quản lý tài nguyên nước phục vụ xây dựng dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).
6. Chính phủ (2013). Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
7. Chính phủ (2019). Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2019, Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn.
8. Chính phủ (2023). Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước (có hiệu lực ngày 20/3/2023).
9. Dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) – Dự thảo lần 5.
10. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012.
11. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014.
12. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016). Luật số

104/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016, Luật Tiếp cận thông tin.

13. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 16 (440), tháng 8 năm 2021.
14. UBND tỉnh Quảng Nam và UBND thành phố Đà Nẵng (2016). Thỏa thuận phối hợp số 01/TTPH-UBNDĐN-UBNDQN ngày 21 tháng 12 năm 2016, Phối hợp thực hiện Quản lý tổng hợp (QLTH) lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng.
15. UBND tỉnh Quảng Nam và UBND thành phố Đà Nẵng (2017). Quyết định số 4546/QĐ-UBNDĐN-UBNDQN ngày 18/8/2017, Thành lập Ban điều phối về Quản lý tổng hợp lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng.

PHỤ LỤC KÈM THEO

Phụ lục I

BẢNG TỔNG HỢP RÀ SOÁT CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TẠI DỰ THẢO LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC (SỬA ĐỔI) LẦN 5

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
1	Điều 2. Đối tượng áp dụng	Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, <u>cộng đồng dân cư</u> , hộ gia đình và cá nhân trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Đây là nội dung mới được quy định bổ sung so với Luật Tài nguyên nước năm 2012	Đề nghị bổ sung phần giải thích khái niệm “cộng đồng dân cư” tại Điều 3 của Luật TNN (sửa đổi).
2	Điều 5. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra	Khoản 4 quy định: “4. <u>Bảo vệ tài nguyên nước</u> là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, <u>cộng đồng dân cư</u> , hộ gia đình, cá nhân và phải lấy phòng ngừa là chính, gắn với việc bảo vệ, phát triển rừng, khả năng tái tạo tài nguyên nước, kết hợp với bảo vệ chất lượng nước và hệ sinh thái thủy sinh, khắc phục, hạn chế suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước có tính đến tác động của biến đổi khí	Thống nhất	Đề nghị bổ sung nội dung về đảm bảo an ninh nguồn nước vào Khoản 4 Điều 5.

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
		hậu.		
3	Điều 8. Lấy ý kiến của <u>cộng đồng dân cư</u> và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước	<p>1. Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án trong đó <u>có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước</u> có ảnh hưởng lớn đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của nhân dân trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành các hoạt động sau đây:</p> <p>a) Lấy ý kiến <u>đại diện cộng đồng dân cư</u> và tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn bị ảnh hưởng về những nội dung liên quan đến phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước của dự án; tổng hợp, tiếp thu, giải trình bằng văn bản và gửi kèm theo hồ sơ cấp phép;</p> <p>5. Có cơ chế khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản; bảo vệ, phục hồi các nguồn nước bị</p>	<p>- Nội dung tại Điều này đã được sửa đổi bổ sung trên cơ sở Điều 6 Luật TNN năm 2012 đối với nội dung về lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, trong đó sửa đổi bổ sung một số từ ngữ cho phù hợp phối hợp thực tế.</p> <p>- Về nội dung quy định tại Điểm a Khoản 1: Tại khoản 22 Điều 3 Luật TNN sửa đổi có giải thích từ ngữ: <i>“22. Khai thác, sử dụng nước là hoạt động khai thác các tiềm năng, giá trị của nguồn nước để phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng, đa dạng sinh học, phát triển hệ sinh</i></p>	<p><i>* Về nội dung quy định tại Điểm a Khoản 1:</i></p> <p>- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bỏ cụm từ <u>“Có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước”</u> thành <u>“trong đó có hoạt động khai thác, sử dụng nước”</u> và chỉnh sửa Khoản 1 Điều 8 như sau:</p> <p><u>“1. Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án trong đó có hoạt động khai</u></p>

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
		<p>suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra và các hoạt động khác liên quan thuộc trách nhiệm đầu tư của Nhà nước.</p> <p>6. Có cơ chế khuyến khích, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh nguồn nước, giám sát, phát hiện, ngăn chặn, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ nguồn nước nói riêng.</p> <p>7. Ưu đãi, hỗ trợ, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động bảo vệ, phát triển, phục hồi nguồn nước, các công trình trữ nước theo hình thức xã hội hóa.</p>	<p><i>thái tự nhiên thông qua công trình lấy nước, trữ nước, chuyển nước, dẫn nước, tiếp nước, tạo nguồn, sử dụng mặt nước</i>". Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy nhiều dự án không đầu tư xây dựng công trình Khai thác, sử dụng nước; chỉ sử dụng mặt nước (mặt nước biển, sông với diện tích lớn) nhưng có tác động lớn đến văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng, đa dạng sinh học, phát triển hệ sinh thái tự nhiên. Vì vậy, cần rà soát Điều 8 để quy định đầy đủ các dự án có hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại Điều 3 mà có tác động lớn phải lấy ý kiến, thay vì chỉ quy định việc lấy ý kiến đối với các dự án có đầu tư xây dựng công</p>	<p><u>thác, sử dụng tài nguyên nước</u> có ảnh hưởng lớn đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của nhân dân trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành các hoạt động..."</p> <p>- Ngoài ra, để việc lấy ý kiến thực chất, phản ánh tiếng nói của người dân, cần quy định bổ sung việc lấy ý kiến của cộng đồng dân cư bên cạnh việc lấy ý kiến thông qua đại diện theo thành phần quy định tại dự thảo Luật và Nghị định số 02/2023/NĐ-CP. Việc lấy ý kiến của cộng đồng dân cư có</p>

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
			trình khai thác, sử dụng nước như Dự thảo. - Về nội dung quy định tại các Khoản 5,6,7: Chưa đề cập đến cộng đồng dân cư.	thể thực hiện bằng các hình thức: công khai thông tin tại UBND cấp xã, lấy ý kiến trên website, mạng xã hội, phiếu tham vấn ý kiến với tỷ lệ hợp lý. Hoặc có thể nghiên cứu, bổ sung thành phần đại diện cộng đồng là Ban công tác Mặt trận ở các khu dân cư. Đây là tổ chức có vai trò hết sức quan trọng, là cánh tay nối dài của Mặt trận và là tổ chức quan trọng nhất gắn Mặt trận với Nhân dân, tiếp tục vận động, tập hợp, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các chủ

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
				<p>trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.</p> <p><i>* Về nội dung quy định tại các Khoản 5,6,7: Cần bổ sung nhóm đối tượng “cộng đồng dân cư” vào để mở rộng đối tượng thực hiện.</i></p>
4	Điều 25. Công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh	3. Các tổ chức, cá nhân và <u>cộng đồng dân cư</u> được tạo điều kiện để thực hiện quyền giám sát, đề xuất các biện pháp thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh.	Về nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 25: Cần nghiên cứu, quy định bổ sung quyền giám sát, đề xuất các biện pháp thực hiện phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, khắc phục tác hại, hậu quả do nước gây ra (trước đây là quy hoạch lưu vực sông nội tỉnh) được tích hợp trong phương án Quy hoạch chung tỉnh/thành phố trực thuộc TW của các tổ chức cá nhân và cộng đồng dân cư.	Đề nghị bổ sung quy định về việc các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư được tạo điều kiện để thực hiện quyền giám sát, đề xuất các biện pháp thực hiện phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, khắc phục tác hại, hậu quả do nước gây ra được tích hợp trong phương án Quy hoạch chung tỉnh/thành phố trực thuộc TW.

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
5	Điều 27. Hành lang bảo vệ nguồn nước và Điều 31. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt	<p>3. Cơ quan, tổ chức, <u>cộng đồng dân cư</u>, hộ gia đình và cá nhân sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước phải đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>a) Không được gây sạt, lở bờ sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa;</p> <p>b) Không làm ảnh hưởng đến các chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>c) Không gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan, môi trường sinh thái trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước;</p> <p>d) Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Tại Khoản 1, Điều 31. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt quy định: “1. Tổ chức, cá nhân phải có trách nhiệm bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt. Người phát hiện hành vi gây hủy hoại, ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt có trách nhiệm ngăn chặn và kịp thời báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.”.</p> <p>Tại Thông tư 24/2016//TT-BTNMT quy định: “Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước mặt trên sông, suối, kênh, rạch để cấp cho sinh hoạt bao gồm <u>phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông, suối, kênh, rạch...</u>”.</p> <p>Tuy nhiên, Điều 31 lại không đề cập</p>	<p>Đề nghị bổ sung vai trò, trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại Điều 31.</p>

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
			đến vai trò, trách nhiệm của cộng đồng dân cư, trong khi đó tại Điều 27 có thể hiện.	
6	Điều 56. Hồ chứa và khai thác, sử dụng nước hồ chứa, đập dâng	<p>3. Dự án xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông, suối phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:</p> <p>c) Có ý kiến của <u>cộng đồng dân cư</u> và tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định tại Điều 8 của Luật này.</p>	<p>Đây là các dự án có tác động lớn đến sinh kế của người dân. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, việc lấy ý kiến thông qua đại diện cộng đồng dân cư như quy định tại Nghị định 02/2023/NĐ-CP là chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của cộng đồng dân cư.</p>	<p>Để việc lấy ý kiến thực chất, phản ánh tiếng nói của người dân, cần quy định bổ sung việc lấy ý kiến của cộng đồng dân cư bên cạnh việc lấy ý kiến thông qua đại diện theo thành phần quy định tại dự thảo Luật và Nghị định số 02/2023/NĐ-CP. Việc lấy ý kiến của cộng đồng dân cư có thể thực hiện bằng các hình thức: công khai thông tin tại UBND cấp xã, lấy ý kiến trên website, mạng xã hội, phiếu tham vấn ý kiến với tỷ lệ hợp lý.</p>



STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
				Hoặc có thể nghiên cứu, bổ sung thành phần đại diện cộng đồng là Ban công tác Mặt trận ở các khu dân cư.

Phụ lục II

BẢNG TỔNG HỢP RÀ SOÁT CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC LƯU VỰC SÔNG TẠI DỰ THẢO LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC (SỬA ĐỔI) LẦN 5

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
1	Điều 8. Lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước	<p>2. Trường hợp dự án đầu tư có chuyển nước thì ngoài việc thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân đầu tư dự án còn phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân, <u>tổ chức lưu vực sông</u> về quy mô, phương án chuyển nước trước khi lập dự án đầu tư. Việc lấy ý kiến được quy định như sau:</p> <p>a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã), Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố</p>	Chưa có giải thích từ ngữ đối với cụm từ “tổ chức lưu vực sông”.	<p>Đề nghị bổ sung tại Điều 3 của dự thảo Luật TNN sửa đổi phần giải thích từ ngữ đối với cụm từ “tổ chức lưu vực sông”.</p> <p>Ngoài ra, theo mô hình tổ chức lưu vực sông nội tỉnh, có thể thành lập các tổ chức trực thuộc bên trong. Vì vậy, đề nghị bổ sung làm rõ nội hàm của tổ chức lưu</p>

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
		<p>(sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) có liên quan đối với dự án có chuyển nước trong phạm vi lưu vực sông nội tỉnh;</p> <p>b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có liên quan và <u>tổ chức lưu vực sông</u> đối với dự án có chuyển nước không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>3. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên sông thuộc lưu vực sông liên tỉnh mà không có chuyển nước thì ngoài việc thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này, trước khi lập dự án đầu tư, tổ chức, cá nhân đầu tư dự án còn có trách nhiệm:</p>		<p>vực sông nếu đã xác định, định hướng rõ mô hình hoạt động của tổ chức lưu vực sông.</p>

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
		a) Lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan và <u>tổ chức lưu vực sông</u> về quy mô, phương án đề xuất xây dựng công trình trên dòng chính; b) Thông báo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan và <u>tổ chức lưu vực sông</u> về quy mô, phương án đề xuất xây dựng công trình trên dòng nhánh.		
2	Điều 23. Thẩm quyền tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh	2. Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh phải được lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, <u>tổ chức lưu vực sông</u> , tổ chức có liên quan trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Cần nghiên cứu, bổ sung quy định đối với trường hợp chưa thành lập tổ chức lưu vực sông liên tỉnh	
3	Điều 25. Công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch tổng	2. <u>Tổ chức lưu vực sông</u> có trách nhiệm đề xuất, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền các biện pháp bảo đảm		

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
	hợp lưu vực sông liên tỉnh	thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; kiến nghị giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh.		
4	Điều 42. Quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa	5. Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông phải được lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương, <u>tổ chức lưu vực sông</u> , tổ chức liên quan khác trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.		
5	Điều 45. Quy định chung về khai thác, sử dụng tài nguyên nước	1. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các mục đích nông nghiệp, công nghiệp, thủy sản, thủy lợi, thủy điện, cấp nước đô thị, nông thôn và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 5 Luật này và các quy định sau đây:		

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
		b) Việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải chịu sự quản lý, giám sát, điều hoà, phân phối của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo quy định và sự giám sát của <u>tổ chức lưu vực sông</u> ;		
8	Điều 79. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ	2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về tài nguyên nước, quản lý lưu vực sông, nguồn nước trong phạm vi cả nước và có trách nhiệm sau đây: k) Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam và <u>các tổ chức lưu vực sông</u> .	-	-
9	Điều 81. Điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài	2. Trách nhiệm điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu	-	Cần nghiên cứu, bổ sung quy định đối với hợp tác liên tỉnh về tài nguyên nước. Trong trường hợp đã

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
	nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông	<p>vực sông được quy định như sau:</p> <p>a) <u>Tổ chức lưu vực sông</u> kiến nghị việc điều hòa, phân phối nguồn nước, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; việc phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên một hoặc một số lưu vực sông liên tỉnh;</p> <p>c) Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất chỉ đạo việc phối hợp hoạt động của <u>tổ chức lưu vực sông</u>, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước; giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên các lưu</p>		<p>thành lập tổ chức lưu vực sông liên tỉnh thì việc quy định về nội dung hợp tác liên tỉnh về tài nguyên nước theo mô hình tổ chức Ban điều phối lưu vực sông (là một tổ chức bên trong tổ chức lưu vực sông) là cần thiết, để các địa phương trên lưu vực nâng cao vai trò, trách nhiệm của mình trong việc giải quyết các vấn đề khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước trong khả năng, thẩm quyền.</p> <p style="text-align: right;">-</p>



STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
		vực sông. 3. Chính phủ quy định cụ thể việc điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; quy định tổ chức và hoạt động của <u>tổ chức lưu vực sông</u> .		

Phụ lục III

BẢNG TỔNG HỢP RÀ SOÁT CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG KHAI MINH BẠCH THÔNG TIN TẠI DỰ THẢO LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC (SỬA ĐỔI) LẦN 5

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
1	Điều 8. Lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước	<p>1. Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án trong đó có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước có ảnh hưởng lớn đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của nhân dân trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành các hoạt động sau đây:</p> <p>b) <u>Công khai thông tin</u> về những nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước của dự án và những ảnh hưởng có thể gây ra trước khi triển khai thực hiện;</p>	<p>Điểm b khoản 1 Điều 6 Luật Tài nguyên nước năm 2012 quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đầu tư dự án trong đó có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước hoặc có hoạt động xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành hoạt động công khai thông tin về những nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước của dự án và những ảnh hưởng có thể gây ra trước khi triển khai thực hiện.</p> <p>Về nội dung thông tin và hình thức công khai</p>	<p>- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bỏ cụm từ “<u>Có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước</u>” thành “trong đó có hoạt động khai thác, sử dụng nước” và chỉnh sửa Khoản 1 Điều 8 như sau: “1. <u>Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án trong đó có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước</u> có ảnh hưởng lớn đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đời sống</p>

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
			<p>được quy định cụ thể tại Điều 3 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.</p> <p>Nội dung quy định tại Điều 3 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP được thay thế tại Điều 3 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước (có hiệu lực ngày 20/3/2023) (bãi bỏ các nội dung liên quan đến công trình xả nước thải vào nguồn nước, thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường). Ngoài ra, dự thảo Luật quy định các hồ chứa, đập dâng xây dựng trên sông, suối thuộc trường hợp phải xin phép đều bắt buộc phải công khai thông tin. Trong khi đó, trước đây chỉ công trình hồ, đập có tổng dung tích từ 500 triệu m³ trở lên mới phải quy định phải công khai thông tin.</p>	<p>của nhân dân trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành các hoạt động ...”</p>

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
			Như vậy, có thể thấy dự thảo luật sửa đổi mở rộng đối tượng phải công khai thông tin. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy nhiều dự án không đầu tư xây dựng công trình Khai thác, sử dụng nước; chỉ sử dụng mặt nước (mặt nước biển, sông với diện tích lớn) nhưng có tác động lớn đến văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng, đa dạng sinh học, phát triển hệ sinh thái tự nhiên. Vì vậy, cần rà soát để quy định các dự án có hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại Điều 3 mà có tác động lớn phải công khai thông tin, thay vì chỉ quy định việc công khai thông tin đối với các dự án <u>có đầu tư xây dựng</u> công trình khai thác, sử dụng nước như Dự thảo.	
	Điều 25. Công bố, tổ chức thực hiện	1. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt, Bộ Tài nguyên và	Nội tình?	

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
	quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh	Môi trường <u>công bố quy hoạch, đăng tải thường xuyên, liên tục quy hoạch</u> trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời thông báo đến Bộ, ngành, địa phương liên quan. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lưu vực sông lập quy hoạch <u>đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của địa phương. Các hoạt động công bố thông tin phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.</u>		
	Điều 31. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt	2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây: a) Xác định và <u>công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trong phạm vi địa phương;</u> b) <u>Tổ chức công bố thông tin chất lượng</u>	Luật Bảo vệ môi trường hiện hành quy định thông tin môi trường nước phải công khai còn hạn chế chưa đảm bảo đầy đủ thông tin cho hoạt động kiểm soát ô nhiễm nước. Theo đó, chỉ quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc thu thập thông tin, dữ liệu về hiện	Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, nghiên cứu quy định công khai chất lượng môi trường nước mặt đối với sông hồ liên tỉnh...

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
		<p><u>nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước trên địa bàn.</u></p> <p>5. <u>Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình có phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh nằm trên địa bàn 02 tỉnh trở lên.</u></p> <p>6. Chính phủ quy định chi tiết việc xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.</p>	<p>trạng môi trường nước mặt, nguồn thải và tổng lượng thải vào môi trường nước mặt thuộc sông, hồ liên tỉnh trên địa bàn quản lý theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; không quy định trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong công khai thông tin thuộc thẩm quyền của Bộ, ví dụ như công khai chất lượng môi trường nước mặt đối với sông hồ liên tỉnh...</p>	
	Điều 39. Điều hòa, phân phối tài nguyên nước	<p>3. Hằng năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo cơ quan chuyên môn <u>công bố kích bản nguồn nước trên các lưu vực sông.</u></p>		<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, nghiên cứu quy định cơ quan chuyên môn cấp tỉnh/thành phố trực</p>

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
				thuộc TW <u>công bố kích bản nguồn nước trên các lưu vực sông nội tỉnh</u>
	Điều 48. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt	<p>6. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước để cấp cho sinh hoạt có trách nhiệm sau đây:</p> <p>c) <u>Thông báo, cảnh báo về vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình</u> khai thác sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành, công bố và kiểm soát, theo dõi, giám sát nghiêm ngặt các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.</p>	Chưa đề cập đến việc công khai thông tin chất lượng nước	Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, nghiên cứu quy định tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước để cấp cho sinh hoạt có trách nhiệm công bố công khai thông tin chất lượng nước (kể cả quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục) đến cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân có liên quan để tăng cường công tác

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
				kiểm tra, giám sát.
	Điều 63. Phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo	6. Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp: b) <u>Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp được lập, công bố và rà soát, điều chỉnh theo quy định;</u> c) <u>Bộ Tài nguyên và Môi trường lập, công bố, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, công bố, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trong phạm vi địa phương.</u>		
	Điều 79. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên	2. <u>Bộ Tài nguyên và Môi trường</u> chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về tài nguyên nước,		

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
	nước của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ	<p>quản lý lưu vực sông, nguồn nước trong phạm vi cả nước và có trách nhiệm sau đây:</p> <p>c) <u>Xác định, công bố dòng chảy tối thiểu, chức năng đối với nguồn nước liên tỉnh, ngưỡng khai thác nước dưới đất, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo thẩm quyền; thông báo tình hình hạn hán, thiếu nước; công bố kích bản nguồn nước trên các lưu vực sông liên tỉnh; xây dựng, rà soát, điều chỉnh phương án điều hòa, phân bổ nguồn nước để ứng phó với tình trạng hạn hán, thiếu nước; tổ chức thực hiện việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông liên tỉnh; công bố, đăng tải các quy hoạch theo quy định; công bố danh mục</u></p>		

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
		<u>hồ, ao, đầm, phá không được san lấp theo thẩm quyền;</u>		
	Điều 80. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân các cấp	1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây: c) <u>Khoanh định, công bố vùng hạn chế, khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất; xác định và công bố dòng chảy tối thiểu, chức năng đối với nguồn nước nội tỉnh, ngưỡng khai thác nước dưới đất theo thẩm quyền; công bố danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp trong phạm vi địa phương; lập, ban hành danh mục nguồn nước nội tỉnh; xác định các khu vực khan hiếm nước, có nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; khu vực khó khăn về nguồn nước cấp; khu vực đô thị thường xuyên xảy ra ngập úng</u>		

STT	Các nội dung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi (dự thảo lần 5)		Nhận xét, đánh giá	Kiến nghị, đề xuất
	Điều	Nội dung quy định cụ thể		
		do mưa, do triều cường và nước biển dâng; ban hành, rà soát, điều chỉnh và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất; đ) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia theo thẩm quyền; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; <u>công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước trên địa bàn theo quy định.</u>		

Phụ lục IV
KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH
CẦN QUY ĐỊNH TẠI LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC SỬA ĐỔI

STT	Vấn đề nghiên cứu	Các khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị
I	Trách nhiệm, vai trò của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ tài nguyên nước		<p>Để thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên nước, nhóm nghiên cứu đề xuất các nội dung cần phải bổ sung quy định tại Luật Tài nguyên nước sửa đổi lần này đối với các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần làm rõ căn cứ, cơ sở xác định “đại diện cộng đồng dân cư” để tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện và làm rõ tiêu chí, phạm vi xác định “các tổ chức, cá nhân liên quan” trên địa bàn bị ảnh hưởng. - Về việc cộng đồng dân cư có quyền thành lập các hội, nhóm, tổ cộng đồng bảo vệ tài nguyên nước, làm cơ sở và tạo điều kiện pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của các “tổ chức cộng đồng dân cư” ở cấp độ địa phương. Đây là quy định rất quan trọng nhất để cộng đồng dân cư có thể tham gia một cách hợp pháp trong quản lý tài nguyên nước.

STT	Vấn đề nghiên cứu	Các khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị
			<ul style="list-style-type: none"> - Về trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ, thúc đẩy các sáng kiến của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ tài nguyên nước, cũng như việc xây dựng và duy trì các mô hình cộng đồng bảo vệ tài nguyên nước; <ul style="list-style-type: none"> - Về nguồn tài chính từ Ngân sách và đóng góp của cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân liên quan để thành lập và duy trì hoạt động của các mô hình cộng đồng dân cư tham gia bảo vệ các nguồn nước có chức năng quan trọng như cấp nước sinh hoạt, bảo tồn; - Về việc cộng đồng dân cư có vai trò và trách nhiệm trong việc thực hiện các biện pháp chủ động phòng ngừa, ứng phó với thiên tai liên quan đến nước như hạn hán, xâm nhập mặn, mưa lớn, lũ lụt. - Những người già, phụ nữ và trẻ em trong cộng đồng phải được tham gia các hoạt động quản lý tài nguyên nước, gắn kết giữa giáo dục và thực hành. Cần giao trách nhiệm cụ thể trong việc xây dựng các chương trình truyền thông và giáo dục môi trường về bảo vệ và quản lý nguồn nước cho trẻ em và cộng đồng dân cư.

STT	Vấn đề nghiên cứu	Các khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị
II	Minh bạch, công khai thông tin tài nguyên nước	<p>Tương tự như tại Luật năm 2012, dự thảo Luật lần này không có điều khoản quy định cụ thể các nội dung thông tin, hình thức công khai thông tin. Việc quy định cụ thể về nội dung, hình thức giao Chính phủ quy định. Tuy nhiên, tiếp cận thông tin là quyền của công dân, được pháp luật quy định và đảm bảo thực hiện bằng Luật Tiếp cận thông tin. Tại Điều 5 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định “Công dân được tiếp cận thông tin của cơ quan nhà nước, trừ thông tin không được tiếp cận quy định tại Điều 6 của Luật này; được tiếp cận có điều kiện đối với thông tin quy định tại Điều 7 của Luật này”. Do vậy, trách nhiệm của cơ quan nhà nước là chủ động công khai thông tin tiếp cận được, tạo điều kiện cho công dân thực thi quyền của mình. Ngoài ra, tại khoản 4 Điều 5 dự thảo Luật về nguyên tắc quản lý,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung quy định riêng về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước. Các hoạt động quản lý nhà nước nói chung và hoạt động quản lý nhà nước về tài nguyên nước nói riêng đang hướng đến xây dựng, phát triển Chính phủ số, Chính phủ điện tử. Với mục tiêu hướng tới quản trị tài nguyên nước quốc gia trên nền tảng công nghệ số, việc xem xét, bổ sung quy định riêng về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước là rất cần thiết. - Bổ sung quy định về thông tin công khai, trách nhiệm của cơ quan nhà nước về công khai thông tin. - Bổ sung các thông tin phải công khai liên quan đến chất lượng môi trường nước. Bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, của cơ quan nhà nước các cấp trong việc công khai thông tin môi trường nước, bảo vệ tài nguyên nước theo thẩm quyền. - Bổ sung quy định các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước để cấp cho sinh hoạt có trách nhiệm công bố công khai thông tin chất lượng nước (kể cả quan trắc định kỳ và quan

STT	Vấn đề nghiên cứu	Các khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị
		<p>bảo vệ, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra quy định “Bảo vệ tài nguyên nước là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân...”. Vì vậy, để công dân kịp thời cập nhật, nắm bắt thông tin về môi trường nước và tài nguyên nước, thực hiện trách nhiệm bảo vệ tài nguyên, môi trường nước của mình, đồng thời để đảm bảo quyền được tiếp nhận đầy đủ, kịp thời chính xác thông tin, cần thiết phải luật hoá những thông tin cần công khai, chủ thể công khai, hình thức công khai, thời gian công khai. Còn chi tiết hơn sẽ quy định trong Nghị định, Thông tư. Mặc dù hiện nay Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2017/NĐ-CP, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT quy định</p>	<p>trắc tự động, liên tục) đến cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân có liên quan để tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung quy định về công khai, minh bạch thông tin là một trong các nguyên tắc trong quản lý, bảo vệ, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra tại Điều 5 dự thảo Luật sửa đổi. - Xác định rõ nội hàm của khái niệm công khai thông tin môi trường nước: <p>Luật hiện hành chưa quy định rõ chủ thể nào có quyền tiếp cận thông tin môi trường nước, có thể tiếp cận trực tiếp hay bắt buộc tiếp cận gián tiếp thông qua đại diện. Bên cạnh đó, quyền tiếp cận thông tin cũng có giới hạn nhất định. Luật tiếp cận thông tin ở các quốc gia, trong đó có Việt Nam đều quy định về những thông tin, tài liệu mật liên quan đến an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, nghề nghiệp... không được công bố công khai hay không được tiếp cận. Khoản 1 Điều 2 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm</p>

STT	Vấn đề nghiên cứu	Các khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị
		<p>về thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, song việc triển khai thực hiện trong thực tế còn nhiều bất cập.</p>	<p>2018 quy định: “Bí mật nhà nước là thông tin có nội dung quan trọng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định căn cứ vào quy định của Luật này, chưa công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc”. Bí mật nhà nước được quy định cả thông tin về tài nguyên và môi trường, theo đó “Thông tin về tài nguyên và môi trường bao gồm tài nguyên nước, môi trường, địa chất, khoáng sản, khí tượng thủy văn, đất đai, biển, hải đảo, đo đạc và bản đồ”¹¹. Tuy nhiên, do các quy định hiện hành chưa giải thích hay xác định cụ thể về tiêu chí, điều kiện của thông tin được coi là "thông tin gây nguy hại hoặc ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác", hay thông tin nào là "cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng" nên rất khó hình dung nội hàm thông tin môi trường bị hạn chế công khai.</p>

¹¹ Điều 7 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018

STT	Vấn đề nghiên cứu	Các khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị
			<p>Do đó, việc xác định những yếu tố cần thiết hoặc gây ảnh hưởng, nguy hại đều xác định trên yếu tố chủ quan. Điều này dẫn đến tâm lý e ngại cho chính cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi công khai thông tin, thậm chí đây có thể được coi là lý do để từ chối công khai thông tin. Vì vậy, để bảo đảm cho quy định về công khai thông tin môi trường nước được thực thi có hiệu quả, trước hết Nhà nước cần bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người dân, trên cơ sở giới hạn phạm vi tiếp cận thông tin của công dân. Cụ thể, Nhà nước phải rà soát và hệ thống lại các tiêu chí xác định những thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật đời tư, bí mật kinh doanh nào là những thông tin không được phép tiếp cận, nhằm hạn chế tối đa việc viện dẫn các lý do không chính đáng để từ chối việc cung cấp thông tin cho công dân, tổ chức. Thêm vào đó, Nhà nước cần quy định cụ thể hình thức, trình tự, thủ tục, thời hạn thực hiện quyền này nhằm đảm bảo rằng công dân được thực hiện quyền tiếp cận thông tin một cách thuận tiện, nhanh chóng và ít tốn kém nhất¹².</p>

STT	Vấn đề nghiên cứu	Các khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị
		<p>Luật Bảo vệ môi trường hiện hành quy định thông tin môi trường nước phải công khai còn hạn chế chưa đảm bảo đầy đủ thông tin cho hoạt động kiểm soát ô nhiễm nước. Theo đó, chỉ quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc thu thập thông tin, dữ liệu về hiện trạng môi trường nước mặt, nguồn thải và tổng lượng thải vào môi trường nước mặt thuộc sông, hồ liên tỉnh trên địa bàn quản lý theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; không quy định trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong công khai thông tin thuộc thẩm quyền của Bộ, ví dụ như công khai chất lượng môi trường nước mặt đối với sông hồ liên tỉnh...</p>	<p>Bổ sung các thông tin phải công khai liên quan đến chất lượng môi trường nước. Bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, của cơ quan nhà nước các cấp trong việc công khai thông tin môi trường nước, bảo vệ tài nguyên nước theo thẩm quyền.</p>
		<p>Việc công khai, minh bạch trong hoạt động bảo vệ môi trường nước, quản lý sử dụng tài</p>	<p>Bổ sung quy định về công khai, minh bạch thông tin là một trong các nguyên tắc trong quản lý, bảo vệ, phát triển, khai</p>

STT	Vấn đề nghiên cứu	Các khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị
		<p>nguyên nước là nội dung quan trọng; đặc biệt trong thực tiễn hiện nay khi việc bảo vệ tài nguyên nước, môi trường nước là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân. Công khai, minh bạch là một trong những nguyên tắc bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Tuy nhiên, tại Luật Tài nguyên nước năm 2012 và dự thảo Luật sửa đổi lần này chưa đề cập đến nội dung công khai, minh bạch là nguyên tắc trong quản lý, bảo vệ, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.</p>	<p>thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra tại Điều 5 dự thảo Luật sửa đổi.</p>
III	Tổ chức lưu vực sông		<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị bổ sung quy định về tổ chức và hoạt động của tổ chức lưu vực sông. - Đề nghị bổ sung trách nhiệm của tổ chức lưu vực sông để đảm bảo hiệu lực, hiệu quả phối hợp giải quyết những vấn đề chung, có tính chất liên ngành, liên vùng, liên

STT	Vấn đề nghiên cứu	Các khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị
			<p>địa phương trong quản lý nhà nước về tài nguyên nước và bảo vệ môi trường lưu vực sông, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đề xuất, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền các biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; kiến nghị giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; + Đề xuất, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước; điều hoà, phân phối tài nguyên nước; khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống hạn hán thiếu nước, lũ lụt trên lưu vực; - Đề nghị bổ sung quy định về việc các địa phương trên lưu vực được phép thành lập các Ban điều phối lưu vực sông với sự tham gia của các bên liên quan. Thành phần Ban điều phối cần có sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan đến khai thác, sử dụng, quản lý và bảo vệ tài nguyên nước trên lưu vực sông và vùng bờ gồm: + Các nhà khoa học, các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực thủy lợi – thủy điện và bảo vệ tài nguyên

STT	Vấn đề nghiên cứu	Các khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị
			<p>nước;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đại diện cộng đồng dân cư ven nguồn nước, ưu tiên cộng đồng tại các khu vực ven sông nằm trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực cấp nước sinh hoạt; + Đại diện các tổ chức khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên lưu vực: thủy điện, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt và khai thác nước cho các mục đích khác. + Đại diện Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia. + Đại diện các cơ quan báo đài. - Rất cần quy định nghĩa vụ đóng góp tài chính để đảm bảo cho hoạt động của tổ chức lưu vực sông từ đóng góp của ngân sách của các địa phương nằm trên lưu vực (có thể bổ sung từ nguồn tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phí xả nước thải vào nguồn nước), từ kinh phí đóng góp của các tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng tài nguyên nước trên lưu vực sông để đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, phòng chống các tác hại do nước gây ra.

Phụ lục V

PHIẾU XIN Ý KIẾN VỀ VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG VIỆC BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC

(Dành cho cộng đồng dân cư)

Một trong những trọng tâm trong bảo vệ nguồn nước, quản lý và kiểm soát tài nguyên nước năm 2022 của Chính phủ là sửa đổi Luật Tài nguyên nước (TNN) cho phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam và nâng cao hiệu quả sử dụng và bảo tồn tài nguyên nước. Vì vậy, Luật TNN sửa đổi sẽ chú trọng vào việc hoàn thiện khung pháp lý, khắc phục những hạn chế và vướng mắc đang tồn tại của Luật TNN 2012 và tích hợp một số kinh nghiệm quốc tế và địa phương về quản lý và bảo vệ nguồn nước. Để đóng góp vào việc hỗ trợ tính thực thi của Luật Tài nguyên nước sửa đổi khi được ban hành, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng (CECR) hỗ trợ thực hiện nghiên cứu “Đóng góp xây dựng Luật Tài nguyên nước sửa đổi từ thực tiễn thực thi luật tại địa phương”. Nghiên cứu chú trọng đến các nội dung về trách nhiệm, vai trò của cộng đồng dân cư trong việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước.

Vì vậy, nhóm nghiên cứu rất mong ông/bà vui lòng cung cấp các thông tin liên quan tại Phiếu khảo sát này. Ý kiến đóng góp của ông/ bà là vô cùng quan trọng và cần thiết để nhóm nghiên cứu đưa ra các đóng góp có ích trong quá trình hoàn thiện bản dự thảo Luật Tài nguyên nước sửa đổi lần này.

A. Thông tin chung

1. Họ tên người cung cấp thông tin:	
2. Năm sinh:	
3. Giới tính:	
4. Nghề nghiệp:	
5. Trình độ học vấn:	
6. Địa chỉ nơi cư trú:	
7. Điện thoại liên hệ:	

B. Tình hình thực thi vai trò, trách nhiệm của cộng đồng được quy định tại Luật Tài nguyên nước năm 2012

1. Ông/bà có từng nghiên cứu các nội dung được quy định tại Luật Tài nguyên nước năm 2012 nói chung và các quy định cụ thể về vai trò, trách nhiệm của cộng đồng được nêu tại Luật Tài nguyên nước năm 2012?

Có Không

Khác:.....

2. Theo ông/bà, trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước thuộc về?

Tất cả các tổ chức, cá nhân Chính quyền địa phương các cấp Chủ các dự án

3. Ông/bà đã từng hoặc sẵn lòng tham gia các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước nào cụ thể sau đây không?

Nạo vét, khơi thông cống rãnh	<input type="checkbox"/>
Vớt rác trên sông/suối	<input type="checkbox"/>
Giám sát chất lượng nguồn nước tại các sông/suối trên địa bàn và kiến nghị, cảnh báo với chính quyền địa phương các nguy cơ gây ô nhiễm	<input type="checkbox"/>
Vận động người thân, các tổ chức, cá nhân cùng tham gia các hoạt động bảo vệ nguồn nước	<input type="checkbox"/>

Các hoạt động khác (vui lòng ghi cụ thể các hoạt động khác ông/bà đã từng tham gia nếu có):.....

.....

4. Nguồn nước sinh hoạt gia đình ông/bà đang sử dụng từ đâu?

Thủy cục Giếng khoan, giếng đào Các khe suối

Khác:

5. Ông/bà có từng biết đến các thông tin về tài nguyên nước sau đây?

Các nguồn cấp nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	<input type="checkbox"/>
Danh mục các ao, hồ không được san lấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	<input type="checkbox"/>
Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực cấp nước sinh hoạt trên các sông/suối là nguồn cấp nước của các Nhà máy nước	<input type="checkbox"/>
Hành lang bảo vệ nguồn nước	<input type="checkbox"/>
Bản tin dự báo về tình hình hạn hán, xâm nhập mặn trên sông	<input type="checkbox"/>
Chất lượng nguồn nước trên các sông, suối là nguồn cấp nước sinh hoạt	<input type="checkbox"/>
Phương án ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước	<input type="checkbox"/>

Các thông tin khác liên quan đến tài nguyên nước ông/bà mong muốn nhận được:

.....

6. Theo ông/bà, các thông tin về tài nguyên nước nên được gửi đến người dân qua kênh nào là thuận lợi nhất?

Tin nhắn SMS Facebook, Zalo... Báo, Tivi

Hình thức khác:

C. Các nội dung cần quy định điều chỉnh, bổ sung để tăng cường, phát huy vai trò, trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên nước

7. Theo ông/bà việc mời đại diện cộng đồng dân cư làm thành viên Hội đồng thẩm định đối với các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân có cần thiết không ?

Rất cần thiết Cần thiết Không cần thiết

Ý kiến khác:

8. Theo ông/bà việc công khai thông tin về những nội dung liên quan đến các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân nên theo hình thức nào để phát huy hiệu quả tốt nhất?

Website của cơ quan chuyên môn Hội họp Mạng xã hội

Ý kiến khác:

9. Theo ông/bà, các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư cần được tạo điều kiện gì để tham gia hiệu quả công tác bảo vệ tài nguyên nước?

Được tiếp cận đầy đủ thông tin Tham gia xây dựng các mô hình cộng đồng bảo vệ tài nguyên nước Ý kiến góp ý của nhân dân được tiếp thu nghiêm túc, đầy đủ

Được hỗ trợ kinh phí để hoạt động Có công cụ để người dân giám sát việc khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước của các dự án

Ý kiến khác:

10. Ông/bà có kiến nghị/đề xuất gì để tăng cường, phát huy vai trò, trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên nước

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2023

Người điền phiếu

Phụ lục VI

PHIẾU XIN Ý KIẾN VỀ VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG VIỆC BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC

(Dành cho chuyên gia và cán bộ, công chức quản lý)

Một trong những trọng tâm trong bảo vệ nguồn nước, quản lý và kiểm soát tài nguyên nước năm 2022 của Chính phủ là sửa đổi Luật Tài nguyên nước (TNN) cho phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam và nâng cao hiệu quả sử dụng và bảo tồn tài nguyên nước. Vì vậy, Luật TNN sửa đổi sẽ chú trọng vào việc hoàn thiện khung pháp lý, khắc phục những hạn chế và vướng mắc đang tồn tại của Luật TNN 2012 và tích hợp một số kinh nghiệm quốc tế và địa phương về quản lý và bảo vệ nguồn nước. Để đóng góp vào việc hỗ trợ tính thực thi của Luật Tài nguyên nước sửa đổi khi được ban hành, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng (CECR) hỗ trợ thực hiện nghiên cứu “Đóng góp xây dựng Luật Tài nguyên nước sửa đổi từ thực tiễn thực thi luật tại địa phương”. Nghiên cứu chú trọng đến các nội dung về trách nhiệm, vai trò của cộng đồng dân cư trong việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước.

Vì vậy, nhóm nghiên cứu rất mong ông/bà vui lòng cung cấp các thông tin liên quan tại Phiếu khảo sát này. Ý kiến đóng góp của ông/ bà là vô cùng quan trọng và cần thiết để nhóm nghiên cứu đưa ra các đóng góp có ích trong quá trình hoàn thiện bản dự thảo Luật Tài nguyên nước sửa đổi lần này.

A. Thông tin chung

1. Họ tên người cung cấp thông tin:	
2. Năm sinh:	
3. Giới tính:	
4. Nghề nghiệp:	
5. Trình độ chuyên môn:	
6. Chức vụ:	
7. Đơn vị công tác:	
8. Điện thoại liên hệ:	
9. Email:	

B. Tình hình thực thi vai trò, trách nhiệm của cộng đồng được quy định tại Luật Tài nguyên nước năm 2012

1. Ông/bà có từng nghiên cứu các nội dung được quy định tại Luật Tài nguyên nước năm 2012 nói chung và các quy định cụ thể về vai trò, trách nhiệm của cộng đồng được nêu tại Luật Tài nguyên nước năm 2012?

Có Không

Khác:

2. Theo ông/bà, các nội dung nào về bảo vệ tài nguyên nước sau đây đã được thực hiện tốt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng?

Lấy phòng ngừa là chính	<input type="checkbox"/>
Gắn với việc bảo vệ, phát triển rừng và khả năng tái tạo tài nguyên nước	<input type="checkbox"/>
Kết hợp với bảo vệ chất lượng nước và hệ sinh thái thủy sinh	<input type="checkbox"/>
Khắc phục, hạn chế ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước	<input type="checkbox"/>

Ý kiến khác:.....

3. Theo ông/bà việc lấy ý kiến của cộng đồng dân cư đối với các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân đã được thực hiện ra sao?

Rất tốt Tốt Khá Hình thức/không thực chất

4. Theo ông/bà việc công khai thông tin về những nội dung liên quan đến các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân đã được thực hiện như thế nào?

Rất tốt Tốt Khá Hình thức/không thực chất

5. Theo ông/bà việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư và các tổ chức/cá nhân có liên quan trong việc lập quy hoạch tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được thực hiện thế nào?

Rất tốt Tốt Khá Không hiệu quả

6. Theo ông/bà, nguyên tắc lập quy hoạch tài nguyên nước có sự tham gia của cộng đồng được thực hiện thế nào?

Rất tốt Tốt Khá Hình thức/không thực chất

7. Các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có được tạo điều kiện để thực hiện quyền giám sát, đề xuất các biện pháp thực hiện quy hoạch tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng không?

Rất tốt Tốt Khá Hình thức/không thực chất

8. Các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có được tạo điều kiện để thực hiện quyền giám sát, đề xuất các biện pháp thực hiện quy hoạch tài nguyên nước không?

Rất tốt Tốt Khá Hình thức/không thực chất

9. Ông/bà có từng biết đến các thông tin về tài nguyên nước sau đây?

Các nguồn cấp nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	<input type="checkbox"/>
Danh mục các ao, hồ không được san lấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	<input type="checkbox"/>
Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực cấp nước sinh hoạt trên các sông/suối là nguồn cấp nước của các Nhà máy nước	<input type="checkbox"/>
Hành lang bảo vệ nguồn nước	<input type="checkbox"/>
Bản tin dự báo về tình hình hạn hán, xâm nhập mặn trên sông	<input type="checkbox"/>
Chất lượng nguồn nước trên các sông, suối là nguồn cấp nước sinh hoạt	<input type="checkbox"/>
Phương án ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước	<input type="checkbox"/>

Các thông tin khác liên quan đến tài nguyên nước ông/bà mong muốn nhận được:

.....

.....

.....

.....

10. Theo ông/bà, các thông tin về tài nguyên nước nên được gửi đến người dân qua kênh nào là thuận lợi nhất?

Tin nhắn SMS Facebook, Zalo... Báo, Tivi Khác

Hình thức khác:

.....

C. Các nội dung cần quy định điều chỉnh, bổ sung để tăng cường, phát huy vai trò, trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên nước

11. Theo ông/bà việc mời đại diện cộng đồng dân cư làm thành viên Hội đồng thẩm định đối với các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân có cần thiết không?

Rất cần thiết Cần thiết Không cần thiết

Ý kiến khác:

.....

12. Theo ông/bà việc công khai thông tin về những nội dung liên quan đến các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân nên theo hình thức nào để phát huy hiệu quả tốt nhất?

Website của cơ quan chuyên môn Hội họp Mạng xã hội

Hình thức khác:

13. Theo ông/bà việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư và các tổ chức/cá nhân có liên quan trong việc lập quy hoạch tài nguyên nước và tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nên theo hình thức nào để phát huy hiệu quả tốt nhất ?

Ý kiến khác:

14. Theo ông/bà, các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư cần được tạo điều kiện gì để tham gia hiệu quả công tác bảo vệ tài nguyên nước?

Được tiếp cận đầy đủ thông tin Tham gia xây dựng các mô hình cộng đồng bảo vệ tài nguyên nước Ý kiến góp ý của nhân dân được tiếp thu nghiêm túc, đầy đủ

Được hỗ trợ kinh phí để hoạt động Có công cụ để người dân giám sát việc khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước của các dự án

Ý kiến khác :

15. Ông/bà có kiến nghị/đề xuất gì để tăng cường, phát huy vai trò, trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên nước

.....

Người điền phiếu

TẦM NHÌN

Mạng lưới VIWACON tiên phong trong các sáng kiến và giải pháp đảm bảo nguồn nước trong, sạch cho mọi người

SỨ MỆNH

Bảo tồn tài nguyên nước, chung tay kết nối cộng đồng, các tổ chức xã hội, các nhà khoa học, doanh nghiệp và Nhà nước ngăn chặn ô nhiễm nguồn nước

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Đồng lòng - Tâm huyết - Tôn trọng lẫn nhau - Sáng tạo - Hiệu quả



VIWACON

Mạng lưới Bảo tồn Nguồn nước Việt Nam

Cơ quan điều phối: Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng (CECR)

Địa chỉ: P.507-508, nhà E1, Khu Ngoại giao đoàn Trung Tự,
6 Đặng Văn Ngữ, quận Đống Đa, Hà Nội

ĐT: 024 3972 8063

E: viwacn.vn@gmail.com

W: viwacn.vn

F: [fb.com/viwacn](https://www.facebook.com/viwacn)



Website của VIWACON